

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Sổ Tay *Hướng Dẫn Thực hiện*

BỘ TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ
TẠI CÁC KHU, CÁC ĐIỂM DU LỊCH

HÀ NỘI - 2018

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC VIẾT TẮT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	3
LỜI NÓI ĐẦU	6
PHẦN THỨ NHẤT: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	7
I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	7
II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ	8
1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	8
2. Phân loại tiêu chí	8
3. Cấu trúc Bộ tiêu chí	8
4. Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí	9
Phần A. Đối với cơ sở ăn uống	9
Phần B. Đối với cơ sở bán hàng lưu niệm	25
Phần C. Đối với cơ sở vui chơi giải trí	40
PHẦN THỨ HAI	57
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔ HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH	57
I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔ HÌNH	57
1. Yêu cầu xây dựng mô hình	57
2. Nội dung xây dựng mô hình	57
3. Tổ chức thực hiện	61
II. XÂY DỰNG MÔ HÌNH BVMT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH	61
1. Cách tiếp cận mô hình	61
2. Các yêu cầu thực hiện Mô hình	62
3. Vai trò, trách nhiệm các chủ thể tham gia thực hiện mô hình	63

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ NN&PTNN
Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TNMT
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ VHTTDL
Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch	Bộ Tiêu chí
Bộ Xây dựng	BXD
Bảo vệ môi trường	BVMT
Bảo vệ thực vật	BVTV
Cơ sở du lịch và dịch vụ	CSDL&DV
Chất thải rắn	CTR
Chất thải nguy hại	CTNH
Đa dạng sinh học	ĐDSH
Đánh giá tác động môi trường	ĐTM
Quy chuẩn Việt Nam	QCVN

DANH MỤC VIẾT TẮT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- | | | |
|---|--|--------------------------|
| 1 | Luật bảo vệ môi trường năm 2014 | Luật BVMT 2014 |
| 2 | Luật đa dạng sinh học năm 2008 | Luật ĐDSH 2008 |
| 3 | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2018 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường | Nghị định 18/2015/NĐ-CP |
| 4 | Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BVMT 2014 | Nghị định 19/2015/NĐ-CP |
| 5 | Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu | Nghị định 38/2015/NĐ-CP |
| 6 | Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước | Nghị định 201/2013/NĐ-CP |
| 7 | Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo. | Nghị định 158/2013/NĐ-CP |
| 8 | Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn. | Nghị định 109/2013/NĐ-CP |
| 9 | Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. | Nghị định 99/2010/NĐ-CP |

- | | |
|---|----------------------------------|
| <p>10 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.</p> | <p>Nghị định 155/2016/NĐ-CP</p> |
| <p>11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.</p> | <p>Nghị định 160/2013/NĐ-CP</p> |
| <p>12 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p> | <p>Thông tư 31/2016/TT-BTNMT</p> |
| <p>13 Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT/BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích</p> | <p>TTLT số 19</p> |
| <p>14 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại</p> | <p>Thông tư 36/2015/TT-BTNMT</p> |
| <p>15 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT được ban hành theo Quyết định số</p> | <p>QCVN 14:2008/BTNMT</p> |

- 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
- 16 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT được ban hành theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường QCVN 26:2010/BTNMT
- 17 QCVN số 01:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống ban hành theo Thông tư số: 04/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế QCVN 01:2009/BYT
- 18 QCVN số 02:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt ban hành theo Thông tư số: 05/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Y tế. QCVN 02:2009/BYT
- 19 QCVN 07-9:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình quản lý chất thải rắn và Nhà vệ sinh công cộng” ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016. QCVN 07-9:2016/BXD
- 20 Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ. Quyết định 16/2015/QĐ-TTg

LỜI NÓI ĐẦU

Chất lượng môi trường có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các khu, điểm du lịch nói chung và của các cơ sở du lịch và dịch vụ nói riêng. Trong những năm vừa qua, mặc dù có sự cố gắng và nỗ lực của tất cả các cấp, các ngành nhưng việc bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch còn nhiều bất cập làm ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch. Một trong những nguyên nhân là chưa có đầy đủ các công cụ để quản lý chất lượng môi trường tại các khu, điểm du lịch, đặc biệt đối với các cơ sở kinh doanh du lịch.

Ngày 04/9/2013 Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 18/CT-TTg về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho du khách. Chỉ thị nêu rõ: cần phải thực hiện quyết liệt và áp dụng các biện pháp cụ thể, đồng bộ, hiệu quả để tạo ra chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý môi trường, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch, coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là công việc thường xuyên, lâu dài nhằm xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến du lịch an toàn, thân thiện. Chính phủ đã phân công và giao trách nhiệm cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *“Hướng dẫn các địa phương và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch triển khai các giải pháp nhằm bảo vệ an toàn cho du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch; chỉ đạo thực hiện việc công nhận dịch vụ du lịch đạt chuẩn đối với các cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch”*.

Thực hiện Chỉ thị trên, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch. Tài liệu này được xây dựng nhằm hướng dẫn các cơ sở dịch vụ áp dụng bộ tiêu chí nêu trên để triển khai áp dụng vào thực tế.

PHẦN THỨ NHẤT

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- *Cơ sở ăn uống* là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

- *Cơ sở bán hàng lưu niệm* là cơ sở cung cấp dịch vụ bán lẻ các sản phẩm lưu niệm phục vụ khách du lịch.

- *Cơ sở vui chơi giải trí* là cơ sở cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí liên quan đến hoạt động thể thao và hoạt động vui chơi giải trí.

- *Hoạt động bảo vệ môi trường* là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

- *Quy chuẩn kỹ thuật môi trường* là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.

- *Đạt chuẩn về bảo vệ môi trường* là đạt được các yêu cầu bắt buộc được quy định trong Luật bảo vệ môi trường

- *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác

- *Sức chịu tải của môi trường* là giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi

Tài liệu chủ yếu tập trung hướng dẫn áp dụng bộ tiêu chí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ, bao gồm: *Các cơ sở ăn uống (không thuộc các cơ sở lưu trú); cơ sở bán hàng lưu niệm; cơ sở vui chơi giải trí tại các khu, điểm du lịch.*

1.2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ sở du lịch và dịch vụ bao gồm: Cơ sở ăn uống; cơ sở bán hàng lưu niệm; Cơ sở vui chơi giải trí;
- Cơ quan Quản lý nhà nước về du lịch và về môi trường
- Cộng đồng dân cư; khách du lịch và các đối tượng liên quan khác.

2. Phân loại tiêu chí

2.1. Phân loại tiêu chí theo nội dung

- Bảo vệ môi trường tự nhiên
- Bảo vệ môi trường xã hội
- Thông tin - Truyền thông; Nguồn nhân lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

2.2. Phân loại tiêu chí theo đối tượng áp dụng

Các tiêu chí về bảo vệ môi trường được xây dựng cho 3 loại hình:

- Cơ sở ăn uống (không thuộc các khách sạn);
- Cơ sở vui chơi giải trí;
- Cơ sở bán hàng lưu niệm.

Các tiêu chí được chia thành 2 loại:

- *Các tiêu chí bắt buộc*: Là những quy định pháp luật về bảo vệ môi trường mà các cơ sở phải tuân thủ.
- *Các tiêu chí khuyến khích*: Là những tiêu chí được khuyến khích thực hiện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và môi trường tại các cơ sở.

3. Cấu trúc Bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí bao gồm 3 phần áp dụng cho 3 loại hình:

- Phần A. Đối với cơ sở ăn uống;
- Phần B. Đối với Cơ sở bán hàng lưu niệm;
- Phần C. Đối với Cơ sở vui chơi giải trí.

4. Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí

PHẦN A. ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĂN UỐNG

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
A1	Bảo vệ môi trường tự nhiên			
A1.1	Phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường			
A1.1.1	Vị trí, kiến trúc, không gian của cơ sở	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; dễ tiếp cận, thoáng mát, thân thiện với môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Luật BVMT 2014; Điều 91 Luật Xây dựng 2014. Hướng dẫn thực hiện: Trong quá trình hoạt động, cơ sở không được tự ý lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở... trái với các quy hoạch sử dụng đất đã được công bố. Kiến trúc, không gian thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không nên chiếu thẳng vào khu vực phục vụ khách du lịch; Lắp đặt hệ thống che chắn di động chống gió lùa, mưa hắt...)				
A1.1.2	Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT	Các cơ sở là đối tượng phải lập ĐTM, đề án BVMT và đăng ký kế hoạch BVMT phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 4 Luật BVMT 2014; Nghị định 18/2015/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Đối tượng phải thực hiện ĐTM: Các dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; Các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; (Danh mục các đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục II của Nghị định 18/2015/NĐ-CP). Đối tượng phải thực hiện Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT: Các				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập ĐTM phải xây dựng đề án BVMT. Cơ sở đang hoạt động có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập ĐTM theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP (đối tượng 01) phải lập đề án BVMT.				
A1.2	Quản lý, xử lý chất thải			
A1.2.1	Thu gom nước thải	Nước thải phải được thu gom đạt tỷ lệ 100%, và xử lý sơ bộ trước khi đưa vào đưa vào hệ thống thu gom chung để xử lý trước khi thải ra môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 67, Điều 68, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật BVMT 2014; Nghị định 38/2015/NĐ-CP; Điều 5 TTLT số 19; QCVN 14:2008/BTNMT;				
Hướng dẫn thực hiện: Nếu cơ sở ăn uống không có hệ thống tự xử lý nước thải phải ký kết hợp đồng chuyển giao việc thu gom và xử lý nước thải cho đơn vị có chức năng.				
A1.2.2	Tự xử lý nước thải (nếu có)	Hệ thống xử lý phải được xây dựng và vận hành theo đúng quy định; tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100%; nước thải sau khi xử lý phải đạt QCKTQG về nước thải.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 67, Điều 68, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19; QCVN 14:2008/BTNMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP.				
Hướng dẫn thực hiện: Hệ thống xử lý nước thải phải vận hành theo đúng kỹ thuật, có cán bộ chuyên môn được đào tạo để theo dõi. Nước thải đầu ra phải đảm bảo đạt QCVN về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT). Nước thải đầu ra phải được quan trắc theo ĐTM được phê duyệt, xét nghiệm định kỳ hoặc khi phát hiện có bất thường.				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
A1.2.3	Lọc dầu, mỡ dư thừa	Dầu mỡ phải được lọc tách qua hệ thống bẫy mỡ trước khi thu gom và xử lý.		x
Hướng dẫn thực hiện: Dầu mỡ phải được lọc tách qua hệ thống bẫy mỡ trước khi xử lý để tránh gây tắc đường ống và tăng hiệu quả cho quá trình xử lý nước thải. Bẫy mỡ là thiết bị nhỏ gọn được đặt dưới chậu rửa hoặc âm dưới đất, kết nối đầu vào với bồn rửa và đầu ra với bể tự hoại.				
A1.2.4	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt	Chất thải rắn phải được thu gom và phân loại ngay tại nguồn thành rác thải hữu cơ; rác thải vô cơ; rác thải có khả năng tái chế.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 96 Luật BVMT 2014; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở phải có đủ phương tiện, dụng cụ thu gom, lưu chứa chất thải. CTR phải được phân loại tại nguồn theo 03 loại: rác thải hữu cơ (đồ ăn thừa, nguyên liệu chế biến bỏ đi; Cỏ cây bị xén/chặt bỏ, hoa rụng...) và rác vô cơ (túi nylon; đồ sành sứ, thủy tinh vỡ; bát đĩa, giấy ướt dùng 1 lần...) rác thải tái chế (chai nước, vỏ lon, thùng carton; đồ nhựa, kim loại bỏ đi...).				
A1.2.5	Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Phải có nắp đậy và được thiết kế thuận tiện cho việc phân loại rác tại nguồn; có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu chứa.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 17, Điều 18 Nghị định 38; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Thiết bị phải được thiết kế thành 3 ngăn hoặc bố trí 03 thùng rác với 3 màu khác nhau để thuận tiện cho việc phân loại rác ngay tại nguồn; kích cỡ, số lượng phải bảo đảm chứa được hết rác thải tại thời điểm đông khách du lịch nhất và phù hợp với thời gian lưu giữ. Địa điểm đặt thùng rác phải dễ nhận biết; thuận tiện việc bỏ rác và thu				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
gom, vận chuyển.				
A1.2.6	Thời gian lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Không quá 01 ngày (24 giờ).		x
Hướng dẫn thực hiện: Rác thải phải được đưa về điểm tập kết để chuyển đi xử lý theo đúng quy định của khu, điểm du lịch; Thời gian lưu chứa rác thải tại cơ sở không quá 24 giờ.				
A1.2.7	Thu hồi các sản phẩm thải bỏ sau sử dụng	Các cơ sở có trách nhiệm chuyển giao các sản phẩm thải bỏ theo các hình thức: Tự chuyển đến điểm thu hồi hoặc chuyển giao cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân có chức năng thực hiện.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 87 Luật BVMT 2014; Điều 7 Quyết định 16/2015/QĐ-TTg.				
Hướng dẫn thực hiện: Danh mục các sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và thời gian thu hồi được quy định tại Phụ lục của Quyết định 16/2015/QĐ-TTg. Theo đó, các nhóm chất thải bỏ như: Ác quy, Pin; Thiết bị điện, điện tử; Dầu nhớt; Săm lốp phải thu hồi kể từ ngày 01/7/2016; Nhóm các phương tiện giao thông bắt đầu thu hồi từ ngày 01/01/2018.				
<i>Các cơ sở ăn uống không thuộc đối tượng phải mang các sản phẩm thải bỏ đến các điểm thu hồi. Tuy nhiên, phải thực hiện ký hợp đồng thu gom với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý các sản phẩm thải bỏ theo danh mục đến các nhà sản xuất, nhập khẩu để xử lý.</i>				
A1.2.8	Phân loại và thu gom chất thải nguy hại	100% Chất thải nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng và chuyển giao cho Ban Quản lý khu, điểm du lịch hoặc các tổ chức, cá	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		nhân có giấy phép xử lý chất thải nguy hại.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 91 Luật BVMT 2014; Điều 5; Điều 8 Nghị định 38/2015/NĐ-CP; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở ăn uống phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH. Danh mục CTNH và mã CTNH (mã của từng CTNH) quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Cách thức thu gom và phân loại: Chất thải nguy hại phải được phân loại bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu giữ hoặc chuyển đi xử lý; Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.				
A1.2.9	Tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu lượng chất thải rắn	Cơ sở có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 45 Luật BVMT 2014. Hướng dẫn thực hiện: Tái sử dụng các loại chai, lọ, hộp đựng thực phẩm, túi đựng hàng, vỏ hộp giấy... nhằm tiết kiệm chi phí cũng như giảm thiểu lượng chất thải rắn thải ra môi trường. Trường hợp cơ sở không tái sử dụng phải chuyển cho các đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.				
A1.2.10	Hạn chế phát sinh chất thải rắn	Tận dụng thực phẩm dư thừa; Khuyến khích du khách gọi món vừa đủ hoặc gói đồ ăn thừa mang về; Hạn chế, tiến tới không sử dụng khăn ướt, bát, đũa... dùng một lần.		x
Hướng dẫn thực hiện: Thức ăn dư, thức ăn chưa phục vụ có thể cho nhân viên, người nghèo hay hội từ thiện; thức ăn còn lại được tận dụng để chăn nuôi gia súc hoặc xử lý thành phân hữu cơ. Các cơ sở cung cấp khăn ăn, khăn lau tay đã được giặt sạch sau mỗi lần sử dụng để phục vụ				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
du khách.				
A1.3	Bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn			
A1.3.1	Kiểm soát tiếng ồn	Có biện pháp quản lý và kiểm soát tiếng ồn không vượt quá giới hạn tối đa cho phép.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 68 Luật BVMT 2014; QCVN 26:2010/BTNMT.				
Hướng dẫn thực hiện: <i>Cơ sở ăn uống nếu có phát sinh tiếng ồn phải được quản lý theo quy định:</i>				
- Từ 6h00-21h00: không vượt quá 55dB ở các khu vực đặc biệt và 70dB ở khu vực thông thường;				
- Từ 21h00-6h00: không vượt quá 45dB ở các khu vực đặc biệt và 55dB ở khu vực thông thường.				
<i>(Khu vực đặc biệt là những khu vực trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa và các khu vực có quy định đặc biệt khác; Khu vực thông thường gồm khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính).</i>				
A1.3.2	Kiểm soát ô nhiễm không khí	Lắp đặt hệ thống hút mùi và thông gió tại khu vực nhà bếp, ăn uống...		x
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở bố trí khu vực chế biến các món ăn tại nơi thông thoáng, cách biệt với khu vực ăn uống của khách du lịch. Khuyến khích lắp đặt hệ thống hút mùi và thông gió đảm bảo không khí không bị ám mùi thức ăn.				
A1.3.3	Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Cấm hút thuốc lá trong khu vực ăn uống; Có hệ thống biển báo cấm hút	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		thuốc lá bằng chữ viết (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa; Đối với những cơ sở ăn uống có quy mô lớn cần thiết kể khu vực hút thuốc lá riêng.		
Dẫn chiếu quy định: Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Dán hoặc gắn các biển báo cấm hút thuốc lá bằng chữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa về tác hại của thuốc lá. Quy định khu vực cấm hoặc được phép hút thuốc lá, nhắc nhở đối với du khách và xử phạt đối với nhân viên vi phạm.				
A1.4	Chất lượng nước	Các nguồn nước sử dụng tại cơ sở phục vụ du khách phải đạt yêu cầu về chất lượng nước sinh hoạt.	x	
Dẫn chiếu quy định: Nghị định 201/2013/NĐ-CP; QCVN số 01:2009/BYT chất lượng nước ăn uống; QCVN số 02:2009/BYT. Hướng dẫn thực hiện: Sử dụng nước sạch từ các đơn vị cấp nước đạt yêu cầu theo quy định tại QCVN số 02:2009/BYT. Trường hợp cơ sở tự khai thác nước cấp để sử dụng phải xử lý đạt yêu cầu theo quy định trước khi sử dụng. Nước dùng cho ăn uống phải đảm bảo theo quy định tại QCVN số 01:2009/BYT				
A1.5	Nhà vệ sinh	- Đáp ứng nhu cầu sử dụng; dễ nhận biết, dễ tiếp cận, đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng; - Trang thiết bị hoạt động tốt, lắp đặt chắc chắn, gọn gàng, bảo đảm thông	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		thoáng, sạch sẽ, đủ ánh sáng; Có hệ thống biển báo, chỉ dẫn; - Khuyến khích bố trí nhà vệ sinh cho người khuyết tật.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 77 Luật BVMT 2014; QCVN 07-9:2016/BXD.				
Hướng dẫn thực hiện: Nhà vệ sinh phải đáp ứng đủ các yêu cầu về chiều cao; vật liệu và kết cấu; thông gió; hệ thống thu gom nước thải và bể tự hoại... Nhà vệ sinh có vị trí thuận lợi, có đủ số phòng để phục vụ du khách lúc cao điểm.				
A1.6	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học			
A1.6.1	Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên	- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; - Lắp đặt vòi nước cảm ứng, hạn dòng; bồn tiểu cảm ứng; - Sử dụng năng lượng tái tạo.		x
Hướng dẫn thực hiện: Lựa chọn các sản phẩm điều hòa, tủ lạnh, tủ đông, quạt, ti vi, loa, đài, bóng đèn... được gắn nhãn năng lượng xanh. Lắp đặt hệ thống điều hòa có công suất phù hợp với không gian để mang lại hiệu suất cao trong quá trình hoạt động.				
A1.6.2	Sử dụng nguyên, vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường	- Sử dụng hóa chất tẩy rửa, đồ dùng, vật liệu thân thiện với môi trường; - Hạn chế dùng nhiên liệu hóa thạch (đặc biệt là than) trong quá trình chế biến các món ăn;		x

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		- Hạn chế nước uống đóng chai.		
Dẫn chiếu quy định: Quyết định 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược về tăng trưởng xanh. Hướng dẫn thực hiện: Sử dụng điện năng hoặc các nhiên liệu thân thiện với môi trường để đun nấu các món ăn nhằm hạn chế phát thải khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược tăng trưởng xanh. Các cơ sở có thể lắp đặt hệ thống lọc nước uống trực tiếp hoặc đun nước lá cây, nước trà... để phục vụ du khách.				
A1.6.3	Bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học	- Không gây các tác động xấu, làm suy giảm các hệ sinh thái trong quá trình xây dựng và kinh doanh; - Không kinh doanh, sản xuất, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm và hàng hóa có nguồn gốc từ thực vật, động vật quý hiếm.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 7, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật ĐDSH 2008; Luật bảo vệ phát triển rừng năm 2004; Nghị định 160/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Không lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên; Các cơ sở nằm trong vùng đệm của các Vườn quốc gia và khu bảo tồn không được xây dựng thêm các công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phục hồi sinh thái. Không khai thác, thu mua, chế biến các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (<i>Danh mục các loài quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ</i>); Không trang trí cơ sở bằng bộ phận như da, sừng, xương... động vật. Không ngâm các loại rượu động vật, thực vật quý hiếm để bán và phục vụ du khách. Không bán quà lưu niệm,				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
thực phẩm, món ăn làm từ động, thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các Công ước và Nghị định Quốc tế. (Các Nghị định và công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học hiện nay mà Việt Nam là thành viên bao gồm: Công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học; Công ước Ramsar; Công ước Cites; Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học).				
A2	Bảo vệ môi trường xã hội			
A2.1	Đảm bảo trật tự xã hội, an ninh an toàn cho du khách	- Ngăn chặn các đối tượng lừa đảo, móc túi, ăn xin, bán hàng rong...; - Không chèo kéo, ép buộc khách du lịch mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 48 Nghị định 158/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở được phép quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ cho du khách nhưng phải tôn trọng quyền lựa chọn của du khách, không được phép chèo kéo, ép buộc mua và sử dụng dịch vụ. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 158/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp, hành động để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đối tượng lừa đảo, móc túi gây thiệt hại đến khách du lịch. Ngăn cấm các hành vi ăn xin, bán hàng rong tại cơ sở. Khuyến cáo để du khách đề cao cảnh giác tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng.				
A2.2	Niêm yết giá các sản phẩm, dịch vụ	- Bảng niêm yết phải treo ở vị trí thuận tiện cho việc quan sát; - Nội dung trình bày rõ ràng, công khai cập nhật thường xuyên đơn giá của từng loại sản phẩm, dịch vụ.	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Dẫn chiếu quy định: Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải niêm yết toàn bộ, cụ thể và chính xác giá cả các sản phẩm, dịch vụ tại cơ sở; tư vấn cho du khách về giá cả và phần phụ thu theo quy định. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 109/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.				
A2.3	Hưởng ứng, tham gia các hoạt động BVMT trên địa bàn	Có trách nhiệm tham gia đóng góp, hỗ trợ cho các hoạt động BVMT.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19.				
Hướng dẫn thực hiện: Tham gia thực hiện trực tiếp các hoạt động để gìn giữ môi trường xanh - sạch - đẹp; Đóng góp; hỗ trợ công nghệ, tài chính, trang thiết bị, dụng cụ cho các công tác BVMT do Ban Quản lý khu, điểm du lịch/chính quyền địa phương tổ chức.				
A2.4	Hỗ trợ và chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương	- Sử dụng các nguyên vật liệu từ địa phương phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách; - Tạo điều kiện cho các lao động địa phương làm việc tại cơ sở; - Ưu tiên bán các sản phẩm đặc trưng riêng của địa phương; - Chia sẻ, đóng góp các nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 4 Luật BVMT 2014; Điều 30 Luật ĐDSH 2008.				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở hỗ trợ cộng đồng thông qua các nội dung sau: Sử dụng lao động địa phương làm việc tại các vị trí phù hợp; Ký hợp đồng thu mua sản vật của địa phương phục vụ mục đích kinh				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
doanh của cơ sở; Thực hiện các nghĩa vụ đóng góp tài chính với cộng đồng địa phương.				
A2.5	Tiếp nhận thông tin và xử lý các vấn đề môi trường	Có bộ phận hoặc đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh của du khách và cộng đồng địa phương đồng thời có biện pháp giải quyết các vấn đề môi trường tại cơ sở.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 146 Luật BVMT 2014. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải chịu trách nhiệm với các vấn đề môi trường do cơ sở gây ra làm ảnh hưởng đến du khách, cộng đồng dân cư.				
A3	Thông tin - truyền thông; Nguồn lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường			
A3.1	Thông tin - Truyền thông			
A3.1.1	Niêm yết các quy định về BVMT	Các cơ sở phải niêm yết công khai quy định về BVMT, nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm theo pháp luật hiện hành. Niêm yết được đặt tại vị trí dễ quan sát, có bảng riêng hoặc lồng ghép với nội quy của cơ sở.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 77 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở có trách nhiệm niêm yết và yêu cầu du khách thực hiện các quy định về BVMT tại cơ sở.				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
A3.1.2	Tuyên truyền, giáo dục, vận động tham gia BVMT	Có trách nhiệm vận động cán bộ, công nhân viên, cộng đồng địa phương và du khách tuân thủ các quy định về BVMT.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở thực hiện truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia BVMT, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục môi trường; phổ biến nội quy; tổ chức lao động vệ sinh; cuộc thi tìm hiểu về BVMT...				
A3.1.3	Tập huấn, giáo dục BVMT	Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn về BVMT do các cơ quan có chức năng tổ chức.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 154, Điều 155 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về BVMT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế hoặc các đơn vị khác có chức năng. Số lần thực hiện tập huấn giáo dục môi trường tối thiểu 1 lần/năm; cơ sở có thể tổ chức riêng hoặc kết hợp các hoạt động tập huấn, giáo dục khác.				
A3.2	Nguồn lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường			
A3.2.1	Nguồn lực BVMT	Bổ trí nhân lực và kinh phí đảm bảo cho các hoạt động BVMT tại cơ sở.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 68, 77 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có kiến thức chuyên môn,				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
đáp ứng được nhu cầu của công tác BVMT tại cơ sở; Đối với những cơ sở lớn phải xác nhận hệ thống quản lý môi trường hoặc các cơ sở có trang bị hệ thống xử lý chất thải. Nhân lực theo dõi công tác BVMT phải được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ và kỹ năng vận hành hệ thống.				
A3.2.2	Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môi trường, phí BVMT; Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES)	- Các cơ sở xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí BVMT; - Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn ĐDSH của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 148 Luật BVMT 2014; Điều 7 Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: - Đối với cơ sở du lịch, dịch vụ, các loại phí môi trường phải đóng bao gồm: Phí vệ sinh môi trường; Phí BVMT đối với nước thải; Phí BVMT đối với chất thải rắn. Ngoài ra, còn một số khoản thu thuế và lệ phí khác được áp dụng tùy theo hoàn cảnh cụ thể và đảm bảo theo quy định của pháp luật. - Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tính bằng 1% đến 2% trên doanh thu thực hiện trong kỳ.UBND cấp tỉnh/TP quy định các đối tượng có hưởng lợi từ rừng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng. <i>Các cơ sở không nằm trong danh sách quy định của UBND tỉnh/TP sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ chi trả.</i>				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
A3.2.3	Thực hiện nghĩa vụ về thanh tra môi trường	Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về BVMT theo quy định của pháp luật.	x	
Dẫn chiếu quy định: Nghị định 155/2016/NĐ-CP; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Hợp tác, cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác BVM T tại cơ sở theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.				
A3.2.4	Thực hiện báo cáo và xử lý thông tin về môi trường	Thực hiện báo cáo công tác BVMT định kỳ hàng năm và báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan có chức năng.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 129, Điều 130 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở chủ động báo cáo công tác BVMT với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch trước ngày 15/12 hàng năm; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý thông tin về các vi phạm BVMT xảy ra tại cơ sở.				
A3.2.5	Khen thưởng về hoạt động BVMT	Có hình thức khen thưởng động viên kịp thời nhân viên tham gia tích cực các hoạt động BVMT.		x
Hướng dẫn thực hiện: Nhằm nâng cao tinh thần tự giác và ý thức, cơ sở phát động các phong trào thi đua về tìm hiểu pháp luật cũng như các hành động BVMT. Các cá nhân có thành tích cao, tham gia tích cực vào các hoạt động BVMT được khen thưởng, tăng lương...				
A3.2.6	Thành lập hoặc tham gia quỹ BVMT	Cơ sở có thể tự thành lập và duy trì quỹ BVMT hoặc tham gia đóng góp vào quỹ BVMT của khu,		x

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		điểm du lịch hoặc của địa phương.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 149 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Khuyến khích người đứng đầu các cơ sở thành lập quỹ, xây dựng điều lệ của quỹ BVMT, kêu gọi sự tham gia và đóng góp để xây dựng quỹ phục vụ cho các hoạt động BVMT.				

PHẦN B. ĐỐI VỚI CƠ SỞ BÁN HÀNG LƯU NIỆM

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
B1	Bảo vệ môi trường tự nhiên			
B1.1	Phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường			
B1.1.1	Vị trí, kiến trúc, không gian của cơ sở	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, dễ tiếp cận, thoáng mát, thân thiện với môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Luật BVMT 2014; Điều 91 Luật Xây dựng 2014. Hướng dẫn thực hiện: Trong quá trình hoạt động, cơ sở không được tự ý lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở... trái với các quy hoạch sử dụng đất đã được công bố. Kiến trúc, không gian thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không nên chiếu thẳng vào khu vực phục vụ khách du lịch; Lắp đặt hệ thống che chắn di động chống gió lùa, mưa hắt...)				
B1.1.2	Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT	Các cơ sở là đối tượng phải lập ĐTM, đề án BVMT và đăng ký kế hoạch BVMT phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 4 Luật BVMT 2014; Nghị định 18/2015/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Đối tượng phải thực hiện ĐTM: Các dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; Các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; (<i>Danh mục các đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục II của Nghị định 18/2015/NĐ-CP</i>). Đối tượng phải thực hiện Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT: Các				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập ĐTM phải xây dựng đề án BVMT.Cơ sở đang hoạt động có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập ĐTM theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP (đối tượng 01) phải lập đề án BVMT.				
B1.1.3	Sản xuất sản phẩm lưu niệm trong phạm vi cửa hàng (nếu có)	Tuân thủ các quy định về BVMT đối với cơ sở sản xuất.	x	
Dẫn chiếu quy định: Hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan đến loại hình sản phẩm và cơ sở sản xuất. Hướng dẫn thực hiện: Đối với các cửa hàng lưu niệm có sản xuất; phục vụ trình diễn cho khách du lịch trong phạm vi cửa hàng phải tuân thủ các quy định về BVMT cho các cơ sở sản xuất. Tùy thuộc vào các loại mặt hàng sản xuất, các cơ sở đối chiếu các quy định của pháp luật và áp dụng theo các quy chuẩn kỹ thuật liên quan.				
B1.2	Quản lý chất thải			
B1.2.1	Thu gom nước thải	Nước thải phải được thu gom đạt tỷ lệ 100%, và xử lý sơ bộ trước khi đưa vào đưa vào hệ thống thu gom chung để xử lý trước khi thải ra môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 67, Điều 68, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19; QCVN 14:2008/BTNMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Nếu cơ sở bán hàng lưu niệm không có hệ thống tự xử lý nước thảiphải ký kết hợp đồng chuyển giao việc thu gom và xử lý nước thải cho đơn vị có chức năng.				
B1.2.2	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt	Chất thải rắn phải được thu gom và phân loại ngay tại nguồn thành rác	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		thải hữu cơ; rác thải có khả năng tái chế.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 96 Luật BVMT 2014; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở phải có đủ phương tiện, dụng cụ thu gom, lưu chứa chất thải. CTR phải được phân loại tại nguồn theo 03 loại: rác thải hữu cơ (đồ ăn thừa; Cỏ cây bị xén/chặt bỏ, hoa rụng...) và rác vô cơ (túi nylon; đồ sành sứ, thủy tinh vỡ; ...) rác thải tái chế (chai nước, vỏ lon, thùng carton; đồ nhựa, kim loại bỏ đi...).				
B1.2.3	Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Phải có nắp đậy và được thiết kế thuận tiện cho việc phân loại rác tại nguồn; có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu chứa.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 17, Điều 18 Nghị định 38; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Thiết bị phải được thiết kế thành 3 ngăn hoặc bố trí 03 thùng rác với 3 màu khác nhau để thuận tiện cho việc phân loại rác ngay tại nguồn; kích cỡ, số lượng phải bảo đảm chứa được hết rác thải tại thời điểm đông khách du lịch nhất và phù hợp với thời gian lưu giữ. Địa điểm đặt thùng rác phải dễ nhận biết; thuận tiện việc bỏ rác và thu gom, vận chuyển.				
B1.2.4	Thời gian lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Không quá 01 ngày (24 giờ).		x
Hướng dẫn thực hiện: Rác thải phải được đưa về điểm tập kết để chuyển đi xử lý theo đúng quy định của khu, điểm du lịch; Thời gian lưu chứa rác thải tại cơ sở không quá 24 giờ.				
B1.2.5	Thu hồi các sản phẩm thải bỏ sau sử dụng	Các cơ sở có trách nhiệm chuyển giao các sản phẩm thải bỏ theo các hình thức:	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		Tự chuyển đến điểm thu hồi hoặc chuyển giao cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân có chức năng thực hiện.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 87 Luật BVMT 2014; Điều 7 Quyết định 16/2015/QĐ-TTg. Hướng dẫn thực hiện: Danh mục các sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và thời gian thu hồi được quy định tại Phụ lục của Quyết định 16/2015/QĐ-TTg. Theo đó, các nhóm chất thải bỏ như: Ác quy, Pin; Thiết bị điện, điện tử; Dầu nhớt; Săm lốp phải thu hồi kể từ ngày 01/7/2016; Nhóm các phương tiện giao thông bắt đầu thu hồi từ ngày 01/01/2018. <i>Các cơ sở bán hàng lưu niệm không thuộc đối tượng phải mang các sản phẩm thải bỏ đến các điểm thu hồi. Tuy nhiên, phải thực hiện ký hợp đồng thu gom với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý các sản phẩm thải bỏ theo danh mục đến các nhà sản xuất, nhập khẩu để xử lý.</i>				
B1.2.6	Phân loại và thu gom chất thải nguy hại	100% Chất thải nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng và chuyển giao cho Ban Quản lý khu, điểm du lịch hoặc các tổ chức, cá nhân có giấy phép xử lý chất thải nguy hại.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 91 Luật BVMT 2014; Điều 5; Điều 8 Nghị định 38/2015/NĐ-CP; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH. Danh mục CTNH và mã CTNH (mã của từng CTNH) quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Cách thức thu gom và phân loại: Chất thải nguy hại phải được phân loại bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu giữ hoặc chuyển đi xử lý; Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
hợp.				
B1.2.7	Tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu lượng chất thải rắn	Cơ sở có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 45 Luật BVMT 2014. Hướng dẫn thực hiện: Tái sử dụng các loại chai, lọ, hộp đựng thực phẩm, túi đựng hàng, vỏ hộp giấy... nhằm tiết kiệm chi phí cũng như giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường. Trường hợp cơ sở không tái sử dụng phải chuyển cho các đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.				
B1.3	BVMT không khí và kiểm soát tiếng ồn			
B1.3.1	Kiểm soát tiếng ồn	Có biện pháp quản lý và kiểm soát tiếng ồn không vượt quá giới hạn tối đa cho phép.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 68 Luật BVMT 2014; QCVN 26:2010/BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: <i>Cơ sở bán hàng lưu niệm nếu có phát sinh âm thanh phải được quản lý theo quy định:</i> - Từ 6h00-21h00: không vượt quá 55dB ở các khu vực đặc biệt và 70dB ở khu vực thông thường; - Từ 21h00-6h00: không vượt quá 45dB ở các khu vực đặc biệt và 55dB ở khu vực thông thường. <i>(Khu vực đặc biệt là những khu vực trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa và các khu vực có quy định đặc biệt khác; Khu vực thông thường gồm khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính).</i>				
B1.3.2	Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Cấm hút thuốc lá trong khu vực bán hàng; Có hệ thống biển báo cấm hút thuốc lá	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		bằng chữ viết (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa.		
Dẫn chiếu quy định: Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Dán hoặc gắn các biển báo cấm hút thuốc lá bằng chữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa về tác hại của thuốc lá. Quy định khu vực cấm hoặc được phép hút thuốc lá, nhắc nhở đối với du khách và xử phạt đối với nhân viên vi phạm.				
B1.4	Chất lượng nước	Các nguồn nước sử dụng tại cơ sở phục vụ du khách phải đạt yêu cầu về chất lượng nước sinh hoạt.	x	
Dẫn chiếu quy định: Nghị định 201/2013/NĐ-CP; QCVN số 02:2009/BYT Hướng dẫn thực hiện: Sử dụng nước sạch từ các đơn vị cấp nước đạt yêu cầu theo quy định tại QCVN số 02:2009/BYT. Trường hợp cơ sở tự khai thác nước cấp để sử dụng phải xử lý đạt yêu cầu theo quy định trước khi sử dụng.				
B1.5	Nhà vệ sinh	- Đáp ứng nhu cầu sử dụng; dễ nhận biết, dễ tiếp cận, đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng; - Trang thiết bị hoạt động tốt, lắp đặt chắc chắn, gọn gàng, bảo đảm thông thoáng, sạch sẽ, đủ ánh sáng; Có hệ thống biển báo, chỉ dẫn; - Khuyến khích bố trí nhà vệ sinh cho người khuyết tật.	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Dẫn chiếu quy định: Điều 77 Luật BVMT 2014; QCVN 07-9:2016/BXD; QCVN 10:2014/BXD.				
Hướng dẫn thực hiện: Nhà vệ sinh phải đáp ứng đủ các yêu cầu về chiều cao; vật liệu và kết cấu; thông gió; hệ thống thu gom nước thải và bể tự hoại... Nhà vệ sinh có vị trí thuận lợi, có đủ số phòng để phục vụ du khách lúc cao điểm.				
B1.6	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học			
B1.6.1	Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên	- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; Lắp đặt vòi nước cảm ứng, hạn dòng; bồn tiểu cảm ứng; Sử dụng năng lượng mặt trời...		x
Hướng dẫn thực hiện: Lựa chọn các sản phẩm điều hòa, tủ lạnh, tủ đông, quạt, ti vi, loa, đài, bóng đèn... được gắn nhãn năng lượng xanh. Lắp đặt hệ thống điều hòa có công suất phù hợp với không gian để mang lại hiệu suất cao trong quá trình hoạt động.				
B1.6.2	Sử dụng nguyên, vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường	- Sử dụng hóa chất tẩy rửa, đồ dùng, vật liệu thân thiện với môi trường; - Hạn chế, tiến tới không sử dụng túi ny-lon; - Không bán các sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ; kém chất lượng hoặc có chứa các chất độc hại.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 3 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19.				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở tự thiết kế, sản xuất hoặc đặt hàng các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ; hàng thời trang; đồ trang trí... từ các vật liệu tái chế; thân thiện với môi trường như: Tre, nứa, gỗ, mây, vỏ dừa, bông gòn,... hoặc các vật liệu hữu cơ dễ phân hủy. Khuyến khích tăng tỷ lệ các mặt hàng lưu niệm thân thiện với môi trường cao hơn so với các mặt hàng khác. Cam kết không bán các sản phẩm không rõ nguồn gốc				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		xuất xứ; các sản phẩm kém chất lượng hoặc có chứa các chất độc hại. Túi đựng hàng hóa cho khách tại các cửa hàng lưu niệm phải được làm từ chất liệu giấy; vải không dệt; túi ny-lon thân thiện với môi trường; túi sử dụng nhiều lần. Không sử dụng túi ny-lon thông thường để gói đựng hàng hóa. Túi đựng hàng hóa phải có nhiều kích cỡ để đựng các mặt hàng khác nhau. Khuyến khích du khách đựng chung nhiều đồ để hạn chế số lượng túi. <i>Tiêu chí về túi ny-lon thân thiện với môi trường được quy định tại Điều 8 Thông tư số: 07/2012/TT-BTNMT.</i>		
B1.6.3	Đăng ký chứng nhận nhãn xanh cho sản phẩm lưu niệm	Chuẩn bị Hồ sơ đăng ký chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam theo quy định hiện hành.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 6 Luật BVMT 2014; Điều 4 Thông tư 41/2013/TT-BTNMT ngày 02/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường. Hướng dẫn thực hiện: Khuyến khích các cơ sở đăng ký cấp nhãn xanh cho các sản phẩm thân thiện với môi trường. Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường sẽ được hưởng những ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí về BVMT. Hướng dẫn về các tiêu chí nhãn xanh và hồ sơ đăng ký chứng nhận nhãn xanh được quy định cụ thể tại Thông tư số: 41/2013/TT-BTNMT.				
B1.6.4	Bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học	- Không gây các tác động xấu, làm suy giảm các hệ sinh thái trong quá trình xây dựng và kinh doanh; - Không kinh doanh, sản xuất, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm và hàng hóa có nguồn gốc từ thực vật, động vật quý hiếm.	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Dẫn chiếu quy định: Điều 7, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật ĐDSH; Luật bảo vệ phát triển rừng 2004; Nghị định 160/2013/NĐ-CP.				
Hướng dẫn thực hiện: Không lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên; Các cơ sở nằm trong vùng đệm của các Vườn quốc gia và khu bảo tồn không được xây dựng thêm các công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phục hồi sinh thái. Không khai thác, thu mua, chế biến các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (<i>Danh mục các loài quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ</i>); Không trang trí cơ sở bằng bộ phận như da, sừng, xương... động vật. Không ngâm các loại rượu động vật, thực vật quý hiếm để bán và phục vụ du khách. Không bán quà lưu niệm, thực phẩm, món ăn làm từ động, thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các Công ước và Nghị định Quốc tế.				
<i>(Các Nghị định và công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học hiện nay mà Việt Nam là thành viên bao gồm: Công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học; Công ước Ramsar; Công ước Cites; Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học).</i>				
B2	Bảo vệ môi trường xã hội			
B2.1	Đảm bảo trật tự xã hội, an ninh an toàn cho du khách	- Ngăn chặn các đối tượng lừa đảo, móc túi, ăn xin, bán hàng rong...; - Không chèo kéo, ép buộc khách du lịch mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 48 Nghị định 158/2013/NĐ-CP.				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở được phép quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ cho du khách nhưng phải tôn trọng quyền lựa chọn của du khách, không được phép chèo kéo, ép buộc mua và sử dụng dịch vụ. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 158/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp, hành động để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đối tượng lừa đảo,				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
móc túi gây thiệt hại đến khách du lịch. Ngăn cấm các hành vi ăn xin, bán hàng rong tại cơ sở. Khuyến cáo để du khách đề cao cảnh giác tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng.				
B2.2	Niêm yết giá các sản phẩm, dịch vụ	- Bảng niêm yết phải treo ở vị trí thuận tiện cho việc quan sát; - Nội dung trình bày rõ ràng, công khai cập nhật thường xuyên đơn giá của từng loại sản phẩm, dịch vụ.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải niêm yết toàn bộ, cụ thể và chính xác giá cả các sản phẩm, dịch vụ tại cơ sở; tư vấn cho du khách về giá cả và phần phụ thu theo quy định. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 109/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.				
B2.3	Hưởng ứng, tham gia các hoạt động BVMT trên địa bàn	Có trách nhiệm tham gia đóng góp, hỗ trợ cho các hoạt động BVMT.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19 Hướng dẫn thực hiện: Tham gia thực hiện trực tiếp các hoạt động để gìn giữ môi trường xanh - sạch - đẹp; Đóng góp, hỗ trợ công nghệ, tài chính, trang thiết bị, dụng cụ cho các công tác BVMT do Ban Quản lý khu, điểm du lịch/chính quyền địa phương tổ chức.				
B2.4	Hỗ trợ và chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương	- Giới thiệu, bán các sản phẩm lưu niệm mang đặc trưng riêng của địa phương; - Đào tạo nghề và tạo điều kiện cho các lao động địa		x

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		phương làm việc tại cơ sở; - Chia sẻ, đóng góp các nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở hỗ trợ cộng đồng thông qua các nội dung sau: Sử dụng lao động địa phương làm việc tại các vị trí phù hợp; Ký hợp đồng thu mua sản vật của địa phương phục vụ mục đích kinh doanh của cơ sở; Thực hiện các nghĩa vụ đóng góp tài chính với cộng đồng địa phương.				
B2.5	Tiếp nhận thông tin và xử lý các vấn đề môi trường	Có bộ phận hoặc đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh của du khách và cộng đồng địa phương đồng thời có biện pháp giải quyết các vấn đề môi trường tại cơ sở.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 146 Luật BVMT 2014. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải chịu trách nhiệm với các vấn đề môi trường do cơ sở gây ra làm ảnh hưởng đến du khách, cộng đồng dân cư.				
B3	Thông tin - truyền thông; Nguồn lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường			
B3.1	Thông tin - Truyền thông			
B3.1.1	Niêm yết các quy định về BVMT	Các cơ sở phải niêm yết công khai quy định về BVMT, nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm theo pháp luật hiện hành. Niêm yết được đặt tại vị trí dễ quan sát, có bảng	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		riêng hoặc lồng ghép với nội quy của cơ sở.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở có trách nhiệm niêm yết và yêu cầu du khách thực hiện các quy định về BVMT tại cơ sở.				
B3.1.2	Tuyên truyền, giáo dục, vận động tham gia BVMT	Có trách nhiệm vận động cán bộ, công nhân viên, cộng đồng địa phương và du khách tuân thủ các quy định về BVMT.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở thực hiện truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia BVMT, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục môi trường; phổ biến nội quy; tổ chức lao động vệ sinh; cuộc thi tìm hiểu về BVMT...				
B3.1.3	Tập huấn, giáo dục BVMT	Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn về BVMT do các cơ quan có chức năng tổ chức.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 154, Điều 155 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về BVMT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch; Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Y tế hoặc các đơn vị khác có chức năng. Số lần thực hiện tập huấn giáo dục môi trường tối thiểu 1 lần/ năm; cơ sở có thể tổ chức riêng hoặc kết hợp các hoạt động tập huấn, giáo dục khác.				
B3.2	Nguồn lực và nghĩa vụ BVMT			

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
B3.2.1	Nguồn lực BVMT	Bố trí nhân lực và kinh phí đảm bảo cho các hoạt động BVMT tại cơ sở.	x	

Dẫn chiếu quy định: Điều 68, Điều 77 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTTL số 19.

Hướng dẫn thực hiện: Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có kiến thức chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu của công tác BVMT tại cơ sở. Đối với những cơ sở lớn có trang bị hệ thống xử lý chất thải, nhân lực theo dõi công tác BVMT phải được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ và kỹ năng vận hành hệ thống.

B3.2.2	Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môi trường, phí BVMT; Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES)	- Các cơ sở xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí BVMT; - Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch.	x	
--------	---	--	---	--

Dẫn chiếu quy định: Điều 148 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTTL số 19; Điều 7, Nghị định 99/2010/NĐ-CP.

Hướng dẫn thực hiện:

- Đối với cơ sở du lịch, dịch vụ, các loại phí môi trường phải đóng bao gồm: Phí vệ sinh môi trường; Phí BVMT đối với nước thải; Phí BVMT đối với chất thải rắn. Ngoài ra, còn một số khoản thu thuế và lệ phí khác được áp dụng tùy theo hoàn cảnh cụ thể và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tính bằng 1% đến 2% trên

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
doanh thu thực hiện trong kỳ.UBND cấp tỉnh/TP quy định các đối tượng có hưởng lợi từ rừng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng. <i>Các cơ sở không nằm trong danh sách quy định của UBND tỉnh/TP sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ chi trả.</i>				
B3.2.3	Thực hiện nghĩa vụ về thanh tra môi trường	Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về BVMT theo quy định của pháp luật.	x	
Dẫn chiếu quy định: Nghị định 155/2016/NĐ-CP; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Hợp tác, cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác BVM T tại cơ sở theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.				
B3.2.4	Thực hiện báo cáo và xử lý thông tin về môi trường	Thực hiện báo cáo công tác BVMT định kỳ hàng năm và báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan có chức năng.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 129, Điều 130 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở chủ động báo cáo công tác BVMT với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch trước ngày 15/12 hàng năm; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý thông tin về các vi phạm BVMT xảy ra tại cơ sở.				
B3.2.5	Khen thưởng về hoạt động BVMT	Có hình thức khen thưởng động viên kịp thời nhân viên tham gia tích cực các hoạt động BVMT.		x
Hướng dẫn thực hiện: Nhằm nâng cao tinh thần tự giác và ý thức, cơ sở phát động các phong trào thi đua về tìm hiểu pháp luật cũng như các hành động BVMT. Các cá nhân có thành tích cao, tham gia tích cực vào các hoạt động BVMT được khen thưởng, tặng lương...				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
B3.2.6	Thành lập hoặc tham gia quỹ BVMT	Cơ sở có thể tự thành lập và duy trì quỹ BVMT hoặc tham gia đóng góp vào quỹ BVMT của khu, điểm du lịch hoặc của địa phương.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 149 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Khuyến khích người đứng đầu các cơ sở thành lập quỹ, xây dựng điều lệ của quỹ BVMT, kêu gọi sự tham gia và đóng góp để xây dựng quỹ phục vụ cho các hoạt động BVMT.				

PHẦN C. ĐỐI VỚI CƠ SỞ VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C1	Bảo vệ môi trường tự nhiên			
C1.1	Phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường			
C1.1.1	Vị trí, kiến trúc, không gian của cơ sở	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, dễ tiếp cận, thoáng mát, thân thiện với môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Luật BVMT 2014; Điều 91 Luật Xây dựng 2014. Hướng dẫn thực hiện: Trong quá trình hoạt động, cơ sở không được tự ý lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở... trái với các quy hoạch sử dụng đất đã được công bố. Kiến trúc, không gian thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không nên chiếu thẳng vào khu vực phục vụ khách du lịch; Lắp đặt hệ thống che chắn di động chống gió lùa, mưa hắt...)				
C1.1.2	Báo cáo ĐTM; Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT	Các cơ sở là đối tượng phải lập ĐTM, đề án BVMT và đăng ký kế hoạch BVMT phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 4 Luật BVMT 2014; Nghị định 18/2015/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Đối tượng phải thực hiện ĐTM: Các dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; Các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; (Danh mục các đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục II của Nghị định 18/2015/NĐ-CP). Đối tượng phải thực hiện Kế hoạch BVMT; Đề án BVMT: Các phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập ĐTM phải xây dựng đề án BVMT. Cơ sở đang hoạt động có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập ĐTM theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP (đối tượng 01) phải lập đề án BVMT				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C1.1.3	Xác nhận hệ thống quản lý môi trường	Các cơ sở có diện tích từ 200 ha trở lên phải thực hiện xác nhận hệ thống quản lý môi trường bởi Bộ TNMT.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 30 Nghị định 19/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở VCGT có diện tích phục vụ hoạt động VCGT từ 200ha, phải thực hiện việc xác nhận hệ thống quản lý môi trường. Các cơ sở mới phải thực hiện xác nhận hệ thống quản lý môi trường sau 2 tháng và không quá 24 tháng.				
C1.1.4	Phòng ngừa, ứng phó với sự cố, rủi ro	- Thường xuyên tổ chức diễn tập ứng phó với các sự cố môi trường và các sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động; - Lắp đặt các thiết bị giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 108, Điều 109, Điều 110 Luật BVMT 2014; Luật Phòng, chống thiên tai 2013; Luật Phòng cháy, chữa cháy 2013; Điều 24 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: - Các cơ sở VCGT có vị trí gần khu vực có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thiên tai, sự cố môi trường (như khu vực ven biển; khu vực đồi, núi cao...) cần chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị,... phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai, sự cố môi trường theo hướng dẫn của cơ quan có chức năng. Có biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản khi xảy ra sự cố; - Các cơ sở phải trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo; - Thực hiện diễn tập định kỳ để tăng cường kỹ năng ứng phó.				
C1.1.5	Ngưỡng chịu tải môi trường	Quy định lượng khách du lịch vào khu VCGT, đảm bảo không vượt quá sức chịu tải của cơ sở.		x

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Hướng dẫn thực hiện: Các khu VCGT phải tính sức chứa tối đa số lượng du khách đến trong một thời gian, không gian nhất định, trên cơ sở đó giới hạn lượng khách du lịch vào để không vượt quá sức chịu tải của môi trường. Thông qua chỉ số chuẩn về sức chứa, các nhà quản lý cơ sở có thể tiết kiệm tối đa những chi phí không đáng có.				
C1.1.6	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định	- Chỉ được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép hoặc hạn chế sử dụng theo quy định hiện hành; - Khuyến khích sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sinh học.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 30 Thông tư 38/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2010 của Bộ NNPTNT quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật. Hướng dẫn thực hiện: Hạn chế sử dụng thuốc BVTV, quá trình sử dụng phải đúng với hướng dẫn đã được ghi trên nhãn thuốc. Không vứt bỏ bao gói đã đựng thuốc, đồ thuốc, nước thuốc bừa bãi gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người, vật nuôi và môi trường. <i>(Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng được quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam).</i>				
C1.2	Quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm			
C1.2.1	Thu gom nước thải	Nước thải phải được thu gom đạt tỷ lệ 100%, và xử lý sơ bộ trước khi đưa vào đưa vào hệ thống thu gom chung để xử lý trước khi thải ra môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 67, Điều 68, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19; QCVN 14:2008/BTNMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Nếu cơ sở ăn uống không có hệ thống tự xử lý nước thải phải ký kết hợp đồng chuyển giao việc thu gom và xử lý nước				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
thải cho đơn vị có chức năng.				
C1.2.2	Tự xử lý nước thải (nếu có)	Hệ thống xử lý phải được xây dựng và vận hành theo đúng quy định; tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100%; nước thải sau khi xử lý phải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 67, Điều 68, Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19; QCVN 14:2008/BTNMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Hệ thống xử lý nước thải phải vận hành theo đúng kỹ thuật, có cán bộ chuyên môn được đào tạo để theo dõi. Nước thải đầu ra phải đảm bảo đạt QCVN về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT). Nước thải đầu ra phải được quan trắc theo ĐTM đã được phê duyệt, xét nghiệm định kỳ hoặc khi phát hiện có bất thường.				
C1.2.3	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt	CTR phải được thu gom và phân loại ngay tại nguồn thành rác thải hữu cơ; rác thải vô cơ; rác thải có khả năng tái chế.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 96 Luật BVMT 2014; Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở phải có đủ phương tiện, dụng cụ thu gom, lưu chứa chất thải. CTR phải được phân loại tại nguồn theo 03 loại: rác thải hữu cơ (đồ ăn thừa, nguyên liệu chế biến bỏ đi; Cỏ cây bị xén/chặt bỏ, hoa rụng...) và rác vô cơ (túi nylon; đồ sành sứ, thủy tinh vỡ; bát đĩa, giấy ướt dùng 1 lần...) rác thải tái chế (chai nước, vỏ lon, thùng carton; đồ nhựa, kim loại bỏ đi...).				
C1.2.4	Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	- Phải có nắp đậy và được thiết kế thuận tiện cho việc phân loại rác tại nguồn; có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		chứa. Không làm rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, nước rò rỉ. - Khoảng cách đặt các thiết bị phải đảm bảo thuận tiện cho việc thu gom rác (50 - 100m)		
Dẫn chiếu quy định: Điều 17, Điều 18 Nghị định 38; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Thiết bị phải được thiết kế thành 3 ngăn hoặc bố trí 03 thùng rác với 3 màu khác nhau để thuận tiện cho việc phân loại rác ngay tại nguồn; kích cỡ, số lượng phải bảo đảm chứa được hết rác thải tại thời điểm đông khách du lịch nhất và phù hợp với thời gian lưu giữ. Địa điểm đặt thùng rác phải dễ nhận biết; thuận tiện việc bỏ rác và thu gom, vận chuyển.				
C1.2.5	Hệ thống biển báo	Bố trí các biển báo gần với thiết bị thu gom rác, nhắc nhở du khách phân loại và bỏ rác đúng nơi quy định		x
Hướng dẫn thực hiện: Hệ thống biển báo được thiết kế rõ ràng, trình bày bằng tiếng Việt và các ngôn ngữ khác (nếu có), khuyến khích sử dụng hình ảnh minh họa.				
C1.2.6	Thời gian lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Không quá 01 ngày (24 giờ).		x
Hướng dẫn thực hiện: Rác thải phải được đưa về điểm tập kết để chuyển đi xử lý theo đúng quy định của khu, điểm du lịch; Thời gian lưu chứa rác thải tại cơ sở không quá 24 giờ.				
C1.2.7	Thu hồi các sản phẩm thải bỏ sau sử dụng	Các cơ sở có trách nhiệm chuyển giao các sản phẩm thải bỏ theo các hình thức: Tự chuyển đến điểm thu hồi hoặc chuyển giao cho các tổ	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		chức, đơn vị, cá nhân có chức năng thực hiện		
Dẫn chiếu quy định: Điều 87 Luật BVMT 2014; Điều 7 Quyết định 16/2015/QĐ-TTg. Hướng dẫn thực hiện: Danh mục các sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và thời gian thu hồi được quy định tại Phụ lục của Quyết định 16/2015/QĐ-TTg. Theo đó, các nhóm chất thải bỏ như: Ấc quy, Pin; Thiết bị điện, điện tử; Dầu nhớt; Săm lốp phải thu hồi kể từ ngày 01/7/2016; Nhóm các phương tiện giao thông bắt đầu thu hồi từ ngày 01/01/2018.				
C1.2.8	Phân loại và thu gom chất thải nguy hại	100% Chất thải nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng và chuyển giao cho Ban Quản lý khu, điểm du lịch hoặc các tổ chức, cá nhân có giấy phép xử lý chất thải nguy hại	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 91 Luật BVMT 2014; Điều 5, Điều 8 Nghị định 38/2015/NĐ-CP; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH. Danh mục CTNH và mã CTNH (mã của từng CTNH) quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Cách thức thu gom và phân loại: Chất thải nguy hại phải được phân loại bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu giữ hoặc chuyển đi xử lý; Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp				
C1.2.9	Tự xử lý chất thải rắn (nếu có)	Hệ thống xử lý phải đạt tiêu chuẩn và được vận hành theo đúng quy định	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 21 Nghị định 38/2015/NĐ-CP; QCVN 07-9:2016/BXD Hướng dẫn thực hiện: Trường hợp cơ sở có năng lực và chức năng xử lý chất thải rắn phải có hệ thống, thiết bị xử lý, khu vực lưu chứa... đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; Quá trình hoạt động hệ				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
thông phải đảm bảo đúng kỹ thuật, không để xảy ra sự cố.Các quy định kỹ thuật về hệ thống xử lý rác thải được trình bày tại QCVN 07-9:2016/BXD.				
C1.2.10	Tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu lượng chất thải rắn	Cơ sở có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 45 Luật BVMT 2014. Hướng dẫn thực hiện: Tái sử dụng các loại chai, lọ, hộp đựng thực phẩm, túi đựng hàng, vỏ hộp giấy... nhằm tiết kiệm chi phí cũng như giảm thiểu lượng chất thải rắn thải ra môi trường. Trường hợp cơ sở không tái sử dụng phải chuyển cho các đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.				
C1.3	BVMT không khí và kiểm soát tiếng ồn			
C1.3.1	Kiểm soát tiếng ồn	Có biện pháp quản lý và kiểm soát tiếng ồn không vượt quá giới hạn tối đa cho phép	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 68 Luật BVMT 2014; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT Hướng dẫn thực hiện: <i>Cơ sở nếu có phát sinh tiếng ồn phải được quản lý theo quy định:</i> - Từ 6h00-21h00: không vượt quá 55dB ở các khu vực đặc biệt và 70dB ở khu vực thông thường; - Từ 21h00-6h00: không vượt quá 45dB ở các khu vực đặc biệt và 55dB ở khu vực thông thường. <i>(Khu vực đặc biệt là những khu vực trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa và các khu vực có quy định đặc biệt khác; Khu vực thông thường gồm khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính).</i>				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C1.3.2	Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Cấm hút thuốc lá trong khu vực VCGT; Có hệ thống biển báo cấm hút thuốc lá bằng chữ viết (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa; Đối với những cơ sở VCGT có quy mô lớn cần thiết kế khu vực hút thuốc lá riêng.	x	
Dẫn chiếu quy định: Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012; Điều 5 TTLT số 19 Hướng dẫn thực hiện: Dán hoặc gắn các biển báo cấm hút thuốc lá bằng chữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa về tác hại của thuốc lá. Quy định khu vực cấm hoặc được phép hút thuốc lá, nhắc nhở đối với du khách và xử phạt đối với nhân viên vi phạm.				
C1.3.2	Kiểm soát ô nhiễm không khí	Thường xuyên tưới nước mặt đường tại các khu vực phát sinh bụi do hoạt động đi lại và VCGT của du khách.		x
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở VCGT ngoài trời có thể lắp đặt hệ thống phun nước tự động hoặc dùng xe bồn tưới nước lên mặt đường để hạn chế bụi tại các tuyến đường và khu VCGT của du khách.				
C1.4	Chất lượng nước	Nguồn nước sử dụng phục vụ sinh hoạt và các hoạt động VCGT (bể bơi, công viên nước...) phải đạt yêu cầu về chất lượng nước sinh hoạt.	x	
Dẫn chiếu quy định: Nghị định 201/2013/NĐ-CP; QCVN số 02:2009/BYT. Hướng dẫn thực hiện: Sử dụng nước sạch từ các đơn vị cấp nước đạt yêu cầu theo quy định. Trường hợp cơ sở tự khai thác nước cấp để sử dụng phải xử lý đạt yêu cầu theo quy định trước khi sử dụng.				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C1.5	Nhà vệ sinh	- Đáp ứng nhu cầu sử dụng; dễ nhận biết, dễ tiếp cận, đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng; Trang thiết bị hoạt động tốt, lắp đặt chắc chắn, gọn gàng, bảo đảm thông thoáng, sạch sẽ, đủ ánh sáng; - Riêng các cơ sở VCGT có quy mô lớn phải thiết kế nhà vệ sinh cho người khuyết tật.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 77 Luật BVMT 2014; QCVN 07-9:2016/BXD; QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng. Hướng dẫn thực hiện: Nhà vệ sinh phải đáp ứng đủ các yêu cầu về chiều cao; vật liệu và kết cấu; thông gió; hệ thống thu gom nước thải và bể tự hoại... Nhà vệ sinh có vị trí thuận lợi, có đủ số phòng để phục vụ du khách lúc cao điểm. <i>Riêng các cơ sở VCGT có quy mô lớn phải thiết kế nhà vệ sinh cho người khuyết tật, tỷ lệ phòng vệ sinh cho người khuyết tật không nhỏ hơn 5 % tổng số phòng vệ sinh nhưng không được ít hơn 1. Bùn cặn từ nhà vệ sinh phải phải được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý tập trung. Chu kỳ thông hút, thu gom phân bùn từ các bể tự hoại nhà vệ sinh công cộng không quá 01 năm.</i>				
C1.6	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học			
C1.6.1	Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên	- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; Lắp đặt vòi nước cảm ứng, hạn dòng; bồn tiểu cảm ứng; Sử dụng năng lượng mặt trời...		x
Hướng dẫn thực hiện: Lựa chọn các sản phẩm điều hòa, tủ lạnh, tủ đông, quạt, ti vi, loa, đài, bóng đèn... được gắn nhãn năng lượng xanh. Lắp đặt hệ thống điều hòa có công suất phù hợp với không gian để mang				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
liệu hiệu suất cao trong quá trình hoạt động.				
C1.6.2	Sử dụng nguyên, vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường	- Sử dụng hóa chất tẩy rửa, đồ dùng, vật liệu thân thiện với môi trường; - Đối với các cơ sở có hoạt động vui chơi dưới nước (bể bơi; công viên nước...) việc sử dụng hóa chất khử trùng phải tuân thủ theo đúng quy định về thành phần và lượng sử dụng.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Chất lượng nước tại các cơ sở có hoạt động vui chơi dưới nước (bể bơi; công viên nước...) phải đảm bảo quy định về chất lượng nước sinh hoạt, các hóa chất sử dụng tại các cơ sở phải nằm trong danh mục cho phép, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.				
C1.6.3	Sử dụng các phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường	Các loại phương tiện tiết kiệm nhiên liệu; không phát sinh khí thải độc hại (xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, ô tô điện...) hoặc hoạt động bằng nhiên liệu thân thiện với môi trường.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19; Quyết định 1393/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh. Hướng dẫn thực hiện: Sử dụng các loại phương tiện không phát sinh khí thải độc hại như: xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, ô tô điện... xe động vật kéo hoặc các phương tiện hoạt động bằng nhiên liệu thân thiện với môi trường. Khuyến khích nhập khẩu các phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo.				
C1.6.4	Bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, đa	- Không gây các tác động xấu, làm suy giảm các hệ	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
	dạng sinh học	sinh thái trong quá trình xây dựng và kinh doanh; - Không kinh doanh, sản xuất, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm và hàng hóa có nguồn gốc từ thực vật, động vật quý hiếm.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 7, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật ĐDSH; Luật Bảo vệ phát triển rừng 2004; Nghị định 160/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Không lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên; Các cơ sở nằm trong vùng đệm của các Vườn quốc gia và khu bảo tồn không được xây dựng thêm các công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phục hồi sinh thái. Không khai thác, thu mua, chế biến các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (<i>Danh mục các loài quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ</i>); Không trang trí cơ sở bằng bộ phận như da, sừng, xương... động vật. Không ngâm các loại rượu động vật, thực vật quý hiếm để bán và phục vụ du khách. Không bán quà lưu niệm, thực phẩm, món ăn làm từ động, thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các Công ước và Nghị định Quốc tế. (<i>Các Nghị định và công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học hiện nay mà Việt Nam là thành viên bao gồm: Công ước Quốc tế về Đa dạng sinh học; Công ước Ramsar; Công ước Cites; Nghị định thư Cartagenna về an toàn sinh học</i>).				
C1.6.5	Nuôi, trồng các loài động vật, thực vật.	- Phải được cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; - Không nuôi, trồng các loài sinh vật ngoại lai ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Dẫn chiếu quy định: Điều 42, Điều 43, Điều 45 Luật ĐDSH 2008. Hướng dẫn thực hiện: Khuyến khích các cơ sở VCGT có vườn thú, công viên bách thảo, thảo cầm viên..., đáp ứng đủ các điều kiện và xin cấp phép nuôi, trồng các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ để phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái.				
C2	Bảo vệ môi trường xã hội			
C2.1	Đảm bảo trật tự xã hội, an ninh an toàn cho du khách	- Ngăn chặn các đối tượng lừa đảo, móc túi, ăn xin, bán hàng rong...; - Không chèo kéo, ép buộc khách du lịch mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ; - Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa sự cố, rủi ro đã được phê duyệt tại báo cáo ĐTM, kế hoạch BVMT đảm bảo an ninh an toàn cho du khách.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 48 Nghị định 158/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở được phép quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ cho du khách nhưng phải tôn trọng quyền lựa chọn của du khách, không được phép chèo kéo, ép buộc mua và sử dụng dịch vụ. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 158/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp, hành động để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đối tượng lừa đảo, móc túi gây thiệt hại đến khách du lịch. Ngăn cấm các hành vi ăn xin, bán hàng rong tại cơ sở. Khuyến cáo để du khách đề cao cảnh giác tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng.				
C2.2	Niêm yết giá các sản phẩm, dịch vụ	- Bảng niêm yết giá phải treo ở vị trí thuận tiện cho việc quan sát. - Nội dung trình bày rõ	x	

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
		ràng, công khai cập nhật thường xuyên đơn giá của từng loại sản phẩm, dịch vụ.		
Dẫn chiếu quy định: Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở phải niêm yết toàn bộ, cụ thể và chính xác giá cả các sản phẩm, dịch vụ tại cơ sở; tư vấn cho du khách về giá cả và phần phụ thu theo quy định. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 109/2013/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.				
C2.3	Hưởng ứng, tham gia các hoạt động BVMT trên địa bàn	Có trách nhiệm tham gia đóng góp, hỗ trợ cho các hoạt động BVMT.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Tham gia thực hiện trực tiếp các hoạt động để gìn giữ môi trường xanh - sạch - đẹp; Đóng góp; hỗ trợ công nghệ, tài chính, trang thiết bị, dụng cụ cho các công tác BVMT do Ban Quản lý khu, điểm du lịch/chính quyền địa phương tổ chức.				
C2.4	Hỗ trợ và chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương	- Sử dụng các nguyên vật liệu từ địa phương phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách; - Tạo điều kiện cho các lao động địa phương làm việc tại cơ sở; - Ưu tiên bán các sản phẩm đặc trưng riêng của địa phương; - Chia sẻ, đóng góp các nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.		x

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
Dẫn chiếu quy định: Điều 4 Luật BVMT 2014; Điều 30 Luật ĐDSH 2008.				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở hỗ trợ cộng đồng thông qua các nội dung sau: Sử dụng lao động địa phương làm việc tại các vị trí phù hợp; Ký hợp đồng thu mua sản vật của địa phương phục vụ mục đích kinh doanh của cơ sở; Thực hiện các nghĩa vụ đóng góp tài chính với cộng đồng địa phương.				
C2.5	Tiếp nhận thông tin và xử lý các vấn đề môi trường	- Chịu trách nhiệm với các vấn đề môi trường do cơ sở gây ra làm ảnh hưởng đến du khách, cộng đồng dân cư; - Thiết lập đường dây nóng tiếp nhận, xử lý thông tin về các vấn đề liên quan đến BVMT.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 146 Luật BVMT 2014.				
Hướng dẫn thực hiện: Có bộ phận hoặc đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh của du khách và cộng đồng địa phương đồng thời có biện pháp giải quyết các vấn đề môi trường tại cơ sở.				
C3	Thông tin - truyền thông; Nguồn lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường			
C3.1	Thông tin - Truyền thông			
C3.1.1	Niêm yết các quy định về BVMT	Đặt tại vị trí dễ quan sát; Có bảng riêng hoặc lồng ghép với Nội quy của cơ sở; Nội dung niêm yết phải ghi rõ các quy định về BVMT tại cơ sở.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19.				
Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở, đặc biệt là cơ sở VCGT lớn cần phải niêm yết công khai quy định về BVMT, nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm theo pháp luật hiện hành. Quy định phải được đặt tại vị trí dễ quan sát, có bảng riêng hoặc lồng ghép với nội quy của cơ sở.				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C3.1.2	Tuyên truyền, giáo dục, vận động tham gia BVMT	Có trách nhiệm vận động cán bộ, công nhân viên, cộng đồng địa phương và du khách BVMT.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở thực hiện truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia BVMT, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học thông qua các hoạt động giáo dục môi trường; phổ biến nội quy; tổ chức lao động vệ sinh; cuộc thi tìm hiểu về BVMT...				
C3.1.3	Tập huấn, giáo dục BVMT	Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn về BVMT do các cơ quan có chức năng tổ chức.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 154, Điều 155 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Cơ sở tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về BVMT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch; Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Y tế hoặc các đơn vị khác có chức năng. Số lần thực hiện tập huấn giáo dục môi trường tối thiểu 1 lần/ năm; cơ sở có thể tổ chức riêng hoặc kết hợp các hoạt động tập huấn, giáo dục khác.				
C3.2	Nguồn lực và nghĩa vụ bảo vệ môi trường			
C3.2.1	Nguồn lực BVMT	Bố trí nhân lực và kinh phí đảm bảo cho các hoạt động BVMT tại cơ sở.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 68, Điều 77 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có kiến thức chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu của công tác BVMT tại cơ sở. Đối với những cơ sở lớn phải xác nhận hệ thống quản lý môi trường hoặc các cơ sở có trang bị hệ thống xử lý chất thải. Nhân lực theo dõi công tác BVMT phải được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ và kỹ năng vận hành hệ thống.				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
C3.2.2	Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môi trường, phí BVMT; Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES)	- Các cơ sở xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí BVMT; - Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 148 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19; Điều 7, Nghị định 99/2010/NĐ-CP. Hướng dẫn thực hiện: - Đối với cơ sở du lịch, dịch vụ, các loại phí môi trường phải đóng bao gồm: Phí vệ sinh môi trường; Phí BVMT đối với nước thải; Phí BVMT đối với chất thải rắn. Ngoài ra, còn một số khoản thu thuế và lệ phí khác được áp dụng tùy theo hoàn cảnh cụ thể và đảm bảo theo quy định của pháp luật. - Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tính bằng 1% đến 2% trên doanh thu thực hiện trong kỳ. UBND cấp tỉnh/TP quy định các đối tượng có hưởng lợi từ rừng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng. <i>Các cơ sở không nằm trong danh sách quy định của UBND tỉnh/TP sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ chi trả.</i>				
C3.2.3	Thực hiện nghĩa vụ về thanh tra môi trường	Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về BVMT theo quy định của pháp luật.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 5 TTLT số 19 Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở có nghĩa vụ chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về môi trường của các cơ quan có chức năng. Số lần kiểm tra, thanh tra nhiều nhất là hai lần trong năm đối với một cơ sở, trừ trường hợp				

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
cơ sở bị tố cáo là đã vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT.				
C3.2.4	Thực hiện báo cáo và xử lý thông tin về môi trường	Thực hiện báo cáo công tác BVMT định kỳ hàng năm và báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan có chức năng.	x	
Dẫn chiếu quy định: Điều 129, Điều 130 Luật BVMT 2014; TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Các cơ sở chủ động báo cáo công tác giám sát môi trường định kỳ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 15/12 hàng năm; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý thông tin về các vi phạm BVMT xảy ra tại cơ sở.				
C3.2.5	Khen thưởng về hoạt động BVMT	Có hình thức khen thưởng, động viên nhân viên tham gia tích cực các hoạt động BVMT.		x
Hướng dẫn thực hiện: Nhằm nâng cao tinh thần tự giác và ý thức, cơ sở phát động các phong trào thi đua về tìm hiểu pháp luật cũng như các hành động BVMT. Các cá nhân có thành tích cao, tham gia tích cực vào các hoạt động BVMT được khen thưởng, tăng lương...				
C3.2.6	Thành lập hoặc tham gia quỹ BVMT	Cơ sở có thể tự thành lập và duy trì quỹ BVMT hoặc tham gia đóng góp vào quỹ BVMT của khu, điểm du lịch hoặc của địa phương.		x
Dẫn chiếu quy định: Điều 149 Luật BVMT 2014; Điều 5 TTLT số 19. Hướng dẫn thực hiện: Khuyến khích người đứng đầu các cơ sở thành lập quỹ, xây dựng điều lệ của quỹ BVMT, kêu gọi sự tham gia và đóng góp để xây dựng quỹ phục vụ cho các hoạt động BVMT.				

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔ HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH

I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔ HÌNH

1. Yêu cầu xây dựng mô hình

- Việc tổ chức xây dựng mô hình phải được sự thống nhất của tất cả các bên liên quan, lấy các cơ sở du lịch và dịch vụ làm trung tâm của việc bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện Bộ tiêu chí.

- Quá trình xây dựng mô hình phải được nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đầy đủ tình hình kinh tế, xã hội, thực trạng về công tác bảo vệ môi trường; các vấn đề môi trường nổi cộm; nhận thức, hành vi của các cơ sở kinh doanh du lịch; phong tục, tập quán của cộng đồng địa phương trong phạm vi khu, điểm du lịch làm cơ sở xây dựng nội dung, giải pháp phù hợp trong quá trình vận hành mô hình cũng như căn cứ để đánh giá mức độ thành công của mô hình.

- Việc lựa chọn và xây dựng mô hình trước hết phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản của việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp quy khác của Nhà nước đã quy định và đặc điểm tình hình của khu, điểm du lịch.

- Xây dựng mô hình phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu, điểm du lịch.

- Phát huy trách nhiệm và đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả của mọi thành phần tham gia trong việc xây dựng mô hình.

2. Nội dung xây dựng mô hình

2.1. Khảo sát thực tế khu, điểm du lịch

- Khảo sát tổng thể các cơ sở du lịch dịch vụ trong khu, điểm du lịch: Thống kê, phân loại các cơ sở du lịch và dịch vụ (ăn uống, vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm...) trong phạm vi khu, điểm du lịch;

- Đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường, xác định các vấn đề môi trường chính, những yêu cầu cần phải khắc phục tại các khu, điểm du lịch nói chung và tại mỗi loại hình cơ sở du lịch và dịch vụ để xác định mục tiêu thực hiện của mô hình;

- Tìm hiểu đời sống, phong tục tập quán, nếp sinh hoạt của cộng đồng dân cư... để có cơ sở đưa ra các kế hoạch triển khai mô hình hiệu quả.

Việc khảo sát do Sở VH TTDL/Sở Du lịch hoặc Ban Quản lý Khu điểm du lịch chủ trì thực hiện với sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, đại diện cơ quan quản lý về môi trường trên địa bàn.

2.2. Xác định các chủ thể tham gia thực hiện mô hình

Các chủ thể tham gia thực hiện mô hình được xác định tùy theo đặc điểm về công tác tổ chức quản lý phát triển các hoạt động du lịch; công tác bảo vệ môi trường và kết quả khảo sát thực tế khu, điểm du lịch. Các chủ thể tham gia mô hình bao gồm:

- Doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ: Đây là nhân tố chính trong quá trình vận hành mô hình bảo vệ môi trường;

- Cơ quan Quản lý nhà nước về Du lịch: Sở VH TTDL/Sở Du lịch hoặc Ban Quản lý khu, điểm du lịch;

- Cơ quan Quản lý nhà nước về Môi trường: Sở Tài nguyên - Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên - Môi trường. Trường hợp các khu, điểm du lịch có thành lập Bộ phận quản lý, bảo vệ môi trường có thể thay thế các cơ quan Quản lý nhà nước về Môi trường;

- Ban Quản lý khu, điểm du lịch (nếu có);

- Chính quyền địa phương: Trường hợp khu, điểm du lịch nằm trên địa bàn của nhiều đơn vị hành chính khác nhau, Chính quyền địa phương có thể là Chính quyền quản lý đơn vị hành chính lớn nhất hoặc đại diện chính quyền địa phương có lãnh thổ nằm trong khu, điểm du lịch;

- Cộng đồng địa phương: Cộng đồng địa phương, các hộ gia đình vừa là đối tượng thực hiện các hành động bảo vệ môi trường vừa là đối tượng hỗ trợ, giám sát các cơ sở du lịch và dịch vụ thực hiện Bộ tiêu chí nhằm bảo vệ môi trường chung tại khu, điểm du lịch.

- Các tổ chức/cá nhân liên quan khác...

Việc xác định các chủ thể tham gia thực hiện mô hình cần được tinh gọn và thực hiện thông qua trao đổi, lấy ý kiến trên tinh thần đồng thuận.

2.3. Xây dựng Quy chế phối hợp thực hiện mô hình bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch

Quy chế phối hợp thực hiện mô hình là văn bản quy định về cơ chế phối hợp; phân công trách nhiệm của các chủ thể tham gia; cách thức vận hành mô hình và các điều khoản khác. Quy chế được thống nhất xây dựng bởi các chủ thể tham gia và cam kết thực hiện các trách nhiệm, vai trò được quy định trong quy chế. Trên cơ sở quy chế khung, các bên tham gia cùng thảo luận để thống nhất nội dung phù hợp với đặc điểm của khu, điểm du lịch.

Quy chế cần được thông qua bằng văn bản giữa các bên tham gia cùng đồng ý ký tên và chỉ tiết các thỏa thuận dưới sự chủ trì của Sở VHTTDL/Sở Du lịch hoặc Chính quyền địa phương hoặc Ban quản lý Khu, điểm du lịch.

2.4. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình

Kế hoạch triển khai mô hình có thể xây dựng thành nhiều giai đoạn, với mỗi giai đoạn đề ra một mục tiêu cụ thể. Các hoạt động của Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi; phù hợp với tình hình thực tiễn tại khu, điểm du lịch; phát huy tối đa nguồn lực hiện có của các cơ quan, tổ chức có liên quan và của cộng đồng.

- Mô hình BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ được xây dựng dựa trên Bộ tiêu chí BVMT. Giai đoạn đầu cần xác định mục tiêu là phổ biến, nâng cao hiểu biết về bảo vệ môi trường nói chung đặc biệt là Bộ tiêu chí đến các cơ sở du lịch và dịch vụ, kêu gọi các cơ sở tham gia và áp dụng các tiêu chí.

- Các giai đoạn tiếp theo cần xây dựng các Kế hoạch cụ thể về chương trình hoạt động và kinh phí thực hiện theo từng năm tùy thuộc vào đặc tính, yêu cầu của mỗi khu, điểm du lịch.

2.5. Xây dựng kinh phí thực hiện mô hình

- Kinh phí là yếu tố quan trọng để thực hiện mô hình, kinh phí phải bảo đủ để vận hành mô hình thường xuyên và liên tục. Nguồn kinh phí được xây dựng từ vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa.

- Nguồn vốn ngân sách được trích để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; các địa phương có thể chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên hàng năm và xin cấp vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Nguồn vốn xã hội hóa: Các chủ thể tham gia thực hiện mô hình đặc biệt là các doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ; cộng đồng địa phương; khách du lịch và các tổ chức/cá nhân khác có thể đóng góp kinh phí hoặc hỗ trợ công nghệ, để thực hiện các chương trình, hoạt động bảo vệ môi trường.

Việc huy động nguồn xã hội hoá phải tuân thủ các quy định pháp luật về nghĩa vụ bảo vệ môi trường và trên tinh thần tự nguyện.

2.6. Tập huấn triển khai mô hình

- Họp bàn các bên liên quan; thảo luận mục đích, yêu cầu và các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường để đi đến thống nhất triển khai mô hình.

- Tập huấn cho các bên liên quan tham gia vào mô hình bảo vệ môi trường. Nội dung tập huấn bao gồm: Các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phổ biến Bộ tiêu chí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ; phân công trách nhiệm của các chủ thể tham gia, cơ chế và cách thức phối hợp giữa các bên...

2.7. Thực hiện các kế hoạch/hoạt động bảo vệ môi trường

Căn cứ trên kế hoạch triển khai thực hiện mô hình, các chủ thể tiến hành thực hiện các hoạt động BVMT cụ thể, bao gồm hoạt động thường xuyên và hoạt động theo kế hoạch từng giai đoạn.

- Các hoạt động thường xuyên cần thực hiện trước mắt bao gồm: Thực hiện phong trào giữ gìn đường phố xanh - sạch - đẹp; trồng thêm cây xanh; tái chế, tái sử dụng và phân loại chất thải rắn tại nguồn theo 03 loại: rác thải có thể tái chế; rác thải vô cơ; rác hữu cơ. Hạn chế rác thải, hạn chế sử dụng túi ni lông; chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch với người dân tại các khu, điểm du lịch...

- Kế hoạch tiếp theo: Các cơ sở chủ động hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chí BVMT; Chính quyền địa phương lên phương án tổ chức thu gom, phân loại và bố trí đơn vị xử lý các sản phẩm thải bỏ và rác thải độc hại; Cơ quan Quản lý nhà nước về du lịch và môi trường phát huy hơn nữa vai trò quản lý, giám sát, kiểm tra và xử phạt các hành vi phạm gây ảnh hưởng đến môi trường; chủ động xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm từ ngân sách sự nghiệp môi trường.

2.8. Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh mô hình

Đánh giá hiệu quả bảo vệ môi trường của mô hình để xác định mặt chưa được từ đó điều chỉnh mô hình sao cho phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình.

Việc đánh giá thực hiện qua các hội nghị sơ kết hàng quý hoặc năm, trong đó chú trọng đánh giá thực trạng hoạt động, các khó khăn bất cập (về cơ chế, chính sách, phương thức vận hành, phương thức phối hợp, việc thực hiện trách nhiệm của các bên liên quan, việc thực hiện các tiêu chí bảo vệ môi trường...) đối với mô hình đã triển khai thực hiện thời gian vừa qua. Trên cơ sở các đánh giá, điều chỉnh mô hình có thể là bổ sung/thay đổi các chủ thể, bổ sung, điều chỉnh các kế hoạch hành động, phương thức phối hợp...

3. Tổ chức thực hiện

a. Sở VH-TT-DL/Sở Du lịch hoặc Ban Quản lý Khu điểm du lịch chủ trì việc xây dựng mô hình Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch. Là đầu mối tổng hợp ý kiến trong quá trình vận hành mô hình, đầu mối tổng hợp chung kết quả thực hiện mô hình bảo vệ môi trường.

b. Các thắc mắc, khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện cần phải được các bên bàn bạc, thảo luận hoặc phản ánh với cơ quan cao hơn tìm cách giải quyết thỏa đáng trên tinh thần lợi ích chung.

c. Đối với các khu, điểm du lịch đã và đang thực hiện bảo vệ môi trường theo mô hình khác thì cần rà soát việc thực hiện và bổ sung các nội dung, nhiệm vụ nêu trên vào mô hình hiện có, đồng thời đề xuất cơ chế, chính sách để vận hành hiệu quả các mô hình bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn xây dựng mô hình BVMT và bản Dự thảo khung Quy chế phối hợp thực hiện mô hình BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch (*Phụ lục 2*). Các khu, điểm du lịch có thể điều chỉnh, áp dụng sao cho phù hợp với thực trạng công tác tổ chức, quản lý và đặc điểm, tính chất của mỗi địa phương nói chung và từng khu, điểm du lịch nói riêng.

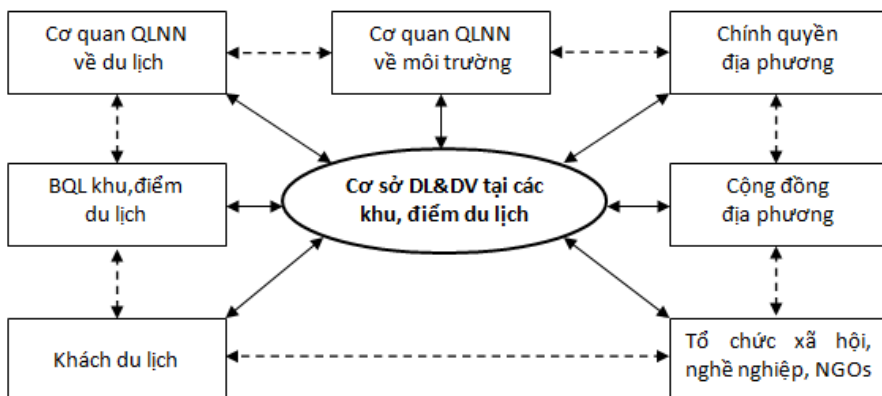
II. XÂY DỰNG MÔ HÌNH BVMT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH

1. Cách tiếp cận mô hình

Ngoài mô hình quản lý khu, điểm du lịch nói chung, trong thực tế còn có những mô hình được xây dựng với mục đích tìm giải pháp làm cân bằng giữa việc bảo tồn, gìn giữ các giá trị của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội với phát triển du lịch.

Với cách tiếp cận mô hình là một hệ thống với các thành phần tương tác lẫn nhau, vận hành theo một quy trình nhất định; trên cơ sở nghiên cứu xây dựng các mô hình BVMT đối với từng loại hình cơ sở du lịch và dịch vụ (cơ sở ăn uống; cơ sở vui chơi giải trí và cơ sở bán hàng lưu niệm) tại các khu, điểm du lịch khác nhau, nhiệm vụ đề xuất Mô hình bảo vệ môi trường chung đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch như sau:

Mô hình tổ chức, quản lý BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch



Ghi chú:

- Mũi tên: $\longleftrightarrow$ chỉ mối quan hệ chỉ đạo/hỗ trợ của các chủ thể với chủ thể chính là cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch;

- Mũi tên: $\dashrightarrow$ chỉ mối quan hệ giữa phối hợp các chủ thể còn lại với nhau để hỗ trợ và cùng các cơ sở du lịch và dịch vụ thực hiện tốt các hoạt động BVMT.

2. Các yêu cầu thực hiện Mô hình

(1) *Xác định các chủ thể tham gia vào mô hình:* Theo điều 4, Luật Bảo vệ môi trường, 2014 quy định: “Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân” đồng nghĩa với thành phần được huy động tham gia mô hình BVMT trong lĩnh vực du lịch có thể gồm mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân cùng tham gia. Tuy nhiên, như vậy mô hình sẽ thiếu sự linh hoạt và tổ chức tương đối công kênh, để khắc phục hạn chế này, mô hình BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch cần sự tham gia của các thành phần gồm: Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và môi trường tại địa phương; Ban quản lý các khu, điểm du lịch; Chính quyền địa phương có khu, điểm du lịch nằm trên địa bàn; chủ đầu tư/doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ; Cộng đồng địa phương và khách du lịch.

(2) *Xây dựng Quy chế vận hành mô hình:* Sau khi xác định các chủ thể tham gia thực hiện mô hình BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ. Các chủ thể sẽ thống nhất xây dựng quy chế để vận hành mô hình. Quy chế quy định vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung phối hợp của các chủ thể tham gia; Quy chế cũng quy định về nội dung kinh phí để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, duy trì mô hình, kinh phí được xác định từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa.

Tùy thuộc vào đặc điểm công tác quản lý tại mỗi khu, điểm du lịch mà cơ quan ban hành Quy chế vận hành mô hình BVMT đối với các khu, điểm du lịch là khác nhau. Đối với các khu, điểm du lịch đã thành lập Ban quản lý, Ban quản lý khu, điểm du lịch đó sẽ ban hành Quy chế; Đối với khu, điểm du lịch chưa thành lập Ban quản lý sẽ do UBND xã/huyện/tỉnh ban hành tùy thuộc ranh giới và vị trí của khu, điểm du lịch.

Nội dung Khung Quy chế vận hành được trình bày tại phần phụ lục.

(3) *Xác định các công cụ/hoạt động thực hiện mô hình:* Các công cụ/hoạt động thực hiện mô hình được xác định là Bộ tiêu chí BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch và các hoạt động bảo vệ môi trường được tổ chức thường xuyên và định kỳ.

(4) *Đánh giá hiệu quả BVMT của Mô hình:* Trong quá trình thực hiện mô hình cần phải định kỳ đánh giá hiệu quả bảo vệ môi trường khi thực hiện mô hình. Quá trình đánh giá hiệu quả BVMT cũng nhận định những khó khăn, bất cập khi thực hiện mô hình để có những biện pháp tháo gỡ, khắc phục nhằm hoàn thiện mô hình. Các tổ chức chuyên môn sẽ hỗ trợ các chủ thể tham gia vào mô hình thực hiện đánh giá hiệu quả và đưa ra các giải pháp. Căn cứ để đánh giá hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện mô hình được xác định bao gồm: Chất lượng môi trường được cải thiện; Giảm lượng rác thải ra môi trường; Giảm thiểu lượng tài nguyên tiêu thụ; Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; Tăng cường triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường;...

(5) *Điều chỉnh Mô hình:* Căn cứ trên các kết quả đánh giá hiệu quả của mô hình, xác định những bất cập khi triển khai từ đó có những điều chỉnh mô hình cho phù hợp với thực tiễn tại mỗi thời điểm.

3. Vai trò, trách nhiệm các chủ thể tham gia thực hiện mô hình

Đối với mỗi thành phần tham gia mô hình, vai trò, trách nhiệm và mức độ tham gia của từng thành phần được xác định cụ thể như sau:

3.1. Doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch

Doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ được xác định là đối tượng gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, diễn ra ở cả hai giai đoạn, giai đoạn đầu tư xây dựng và giai đoạn khai thác kinh doanh. Ở giai đoạn đầu tư xây dựng, đó là việc làm thay đổi cấu trúc môi trường, cảnh quan tự nhiên, đồng thời còn gây ra khói bụi, tiếng ồn, ...; giai đoạn khai thác kinh doanh, là việc xả thải rác thải, nước thải, hóa chất tẩy rửa ra môi trường xung quanh. Do đó, công tác BVMT có đạt hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường của thành phần này.

Về pháp lý, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác khu, điểm du lịch đối với công tác BVMT được quy định tại Điều 77 của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 và Điều 8 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Điều 5, 8 và 9 của Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVH TTDL-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 và các quy định khác.

Vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ trong mô hình BVMT được thể hiện cụ thể như sau:

(1) Thực hiện nghĩa vụ và tuân thủ quy định BVMT trong quá trình xây dựng cơ sở và khai thác kinh doanh; thực hiện các tiêu chí BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ

(2) Kêu gọi, hỗ trợ cộng đồng địa phương; khách du lịch cùng thực hiện trách nhiệm BVMT. Ngoài ra, với tư cách là một thành phần trong mô hình cơ quan quản lý BVMT, doanh nghiệp/cơ sở du lịch và dịch vụ có thể tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng chính sách liên quan tới BVMT; phản biện xã hội về chất lượng môi trường và chính sách BVMT tại các khu, điểm du lịch; giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách của các cơ quan quản lý và giám sát mức độ tuân thủ của các thành phần tham gia.

3.2. Cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch tại địa phương

Các cơ quan này chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung cơ bản quy định tại Điều 8 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14, Điều 20 của Thông tư Liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 và các quy định khác có liên quan. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương ngoài việc thực hiện các nội dung và trách nhiệm tại các điều liên quan trong Luật BVMT 2014, khi tham gia mô hình, cơ quan quản Nhà nước về du lịch tại địa phương có vai trò, trách nhiệm cụ thể như sau:

(1) Phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường chỉ đạo và yêu cầu các chủ thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác BVMT;

(2) Phối hợp, đề xuất các định hướng, quy trình, cũng như biện pháp bảo vệ môi trường tại địa phương, đồng thời tổ chức giám sát việc tuân thủ, thực hiện của các chủ thể tham gia;

(3) Theo dõi, kiểm tra và giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp/cơ sở có hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch nhạy cảm với môi trường, có thể gây ra tác động tiêu cực tới môi trường trên địa bàn quản lý;

(4) Phối hợp tuyên truyền, giáo dục và đôn đốc các chủ thể tham gia mô hình tuân thủ các quy định về BVMT trên địa bàn quản lý;

(5) Phối hợp đề xuất biện pháp nâng cao nhận thức của các chủ thể hoạt động trên địa bàn quản lý về quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch và BVMT và ngược lại, qua đó nhận thức được ý nghĩa của công tác BVMT.

(6) Giữ vai trò chỉ đạo hoặc đồng chỉ đạo các hoạt động trong mô hình.

Như vậy, có thể thấy vị trí, vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch trong mô hình vô cùng quan trọng, mang tính quyết định tới sự thành công và hiệu quả của mô hình, do đó, mức độ tham gia vào mô hình của thành phần này rất rộng và tương đối toàn diện.

3.3. Cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại địa phương

Đối với cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại địa phương, cơ sở pháp lý về trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT được quy định tại Điều 143 của Luật BVMT số 55/2014/QH13; Điều 20 của Thông tư Liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của và tại các quy định khác liên quan.

Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương ngoài việc thực hiện các nội dung và trách nhiệm tại các điều liên quan trong Luật BVMT 2014, khi tham gia mô hình có vai trò, trách nhiệm như sau:

(1) Phối hợp, chỉ đạo các thành phần khác trong mô hình đảm bảo thực hiện tốt công tác BVMT;

(2) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định liên quan tới công tác BVMT của nhà nước, các ngành, các cấp cho các tổ chức/cá nhân hoạt động trên địa bàn;

(3) Thực hiện giám sát, kiểm tra và đôn đốc thực hiện nghĩa vụ BVMT của các chủ thể tham gia vào mô hình;

(4) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương giữ vai trò lãnh đạo hoạt động trong mô hình.

3.4. Chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương được hiểu là Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương, gồm có: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Tùy theo đặc điểm, tính chất, quy mô và loại hình, một khu, điểm du lịch có thể do cấp tỉnh hoặc cấp huyện hoặc cấp xã quản lý. Thông thường các khu, điểm du lịch có quy mô diện tích nằm trên địa phận của nhiều huyện, phần diện tích của khu du lịch thuộc địa phận của huyện nào sẽ do huyện đó quản lý hành chính (ranh giới, nhân khẩu,...) và chịu trách nhiệm về công tác BVMT trên phần diện tích đó. Trên thực tế, chính quyền địa phương là đơn vị nắm rõ nhất hiện trạng đời sống kinh tế xã hội, môi trường trên địa phận hành chính trong phạm vi

quản lý. Vì thế, huy động được chính quyền địa phương tham gia mô hình cơ quan BVMT trong lĩnh vực du lịch chính là tận dụng được nguồn lực tại chỗ, nâng cao tính hiệu quả, thiết thực của mô hình.

Về pháp lý, trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT của chính quyền địa phương tùy theo cấp đã được quy định tại Điều 70 và Điều 143 của Luật BVMT số 55/2014/QH13, Điều 8 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14, Điều 19 của Thông tư Liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTMT-BTNMT ngày 30/12/2013 và quy định khác liên quan. Mức độ tham gia mô hình BVMT trong lĩnh vực du lịch của chính quyền địa phương tương đối rõ ràng, quan trọng, cụ thể:

(1) Cung cấp thông tin về hiện trạng đời sống kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương; đồng thời phối hợp xây dựng kế hoạch; biện pháp bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn quản lý;

(2) Hòa giải các xung đột về môi trường, lợi ích giữa các chủ thể hoạt động trên địa phận quản lý, có thể là xung đột nội bộ trong cộng đồng dân cư, hoặc xung đột giữa các doanh nghiệp/cơ sở kinh doanh du lịch và dịch vụ, cũng có thể là xung đột giữa cộng đồng dân cư với các doanh nghiệp/cơ sở...;

(3) Phối hợp kiểm tra, giám sát các hoạt động nhạy cảm với môi trường và đôn đốc việc tuân thủ, thực hiện các quy định về BVMT của các chủ thể hoạt động trên địa phận quản lý;

(4) Phối hợp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức BVMT của các chủ thể hoạt động trên địa phận quản lý.

3.5. Đơn vị quản lý khu, điểm du lịch

Tại mỗi khu, điểm du lịch trong cả nước đều có một đơn vị (thường gọi là Ban quản lý) giúp chính quyền địa phương quản lý nhà nước và khai thác phục vụ phát triển du lịch, nội dung gồm: bảo tồn, giữ gìn và trùng tu, tôn tạo di tích và danh thắng; quản lý các hoạt động phát triển du lịch và quản lý bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khôi phục và bảo tồn nguyên vẹn các hệ sinh thái, bảo tồn tính đa dạng sinh học trên địa bàn khu vực được giao quản lý. Tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất và vai trò của khu, điểm du lịch mà Ban quản lý được thành lập có thể trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở quản lý nhà nước chuyên ngành về văn hóa hoặc du lịch. Ban quản lý là đơn vị chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương (cơ quan ra quyết định thành lập Ban) về công tác BVMT và khai thác phát triển du lịch trên địa bàn được giao quản lý; chịu sự kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương về cả hai lĩnh vực này thông qua các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và du lịch tại địa phương.

Cơ sở pháp lý về nghĩa vụ và trách nhiệm BVMT của Ban quản lý được quy định tại Điều 77 Luật BVMT số 55/2014/QH13; Điều 14 và Điều 15 của Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều

14 và 15 của Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVH TTDL-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 29 của Luật đa dạng sinh học năm 2008; Điều 8 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và các quy định khác.

Với đặc điểm là đơn vị trực tiếp quản lý, nắm bắt về đặc điểm chung, hiện trạng môi trường và phát triển du lịch trên địa bàn, khi tham gia mô hình BVMT trong lĩnh vực du lịch, Ban quản lý đóng vai trò quan trọng và có mức độ tham gia rộng nhất so với các thành phần khác (đồng thời thực hiện công tác BVMT và phát triển du lịch) thể hiện:

(1) Phối hợp với chủ thể tham gia mô hình thực hiện công tác BVMT và phát triển du lịch;

(2) Cung cấp số liệu, tài liệu về đặc điểm, hiện trạng môi trường, công tác BVMT cũng như tình hình phát triển du lịch trên địa bàn làm cơ sở dữ liệu để đánh giá, đề xuất biện pháp khắc phục;

(3) Kiểm tra, giám sát mọi hành vi có thể ảnh hưởng tới môi trường hoặc khả năng phát triển du lịch của các chủ thể hoạt động trên địa bàn;

(4) Điều chỉnh, hòa giải mâu thuẫn có thể xảy ra trong công tác BVMT và kinh doanh dịch vụ du lịch giữa các chủ thể hoạt động trên địa bàn.

3.6. Cộng đồng địa phương tại các khu, điểm du lịch

Công tác BVMT tại các khu, điểm du lịch đang phải đối mặt với các mâu thuẫn trong hành vi đối xử với môi trường giữa các thành phần khác nhau trong xã hội, đặc biệt là giữa cộng đồng địa phương và doanh nghiệp/cơ sở kinh doanh, khai thác tài nguyên. Để quản lý môi trường có hiệu quả cần phải phát huy vai trò của cộng đồng, bởi BVMT gắn liền với lợi ích của cộng đồng. Sự tham gia của cộng đồng vào BVMT là một trong những giải pháp quan trọng của công tác quản lý BVMT ở khu, điểm du lịch. Những quyết định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng khu vực.

Về pháp lý, trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng đồng đối với công tác BVMT được quy định tại Điều 146 của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 và Điều 8 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và quy định khác.

Sự tham gia của cộng đồng vào mô BVMT trong lĩnh vực du lịch không chỉ tạo thêm nguồn lực tại chỗ cho công tác BVMT, mà còn là lực lượng giám sát môi trường nhanh và hiệu quả, giúp cho các cơ quan quản lý môi trường giải quyết kịp thời sự ô nhiễm môi trường ngay từ khi mới xuất hiện. Cộng đồng tham gia Mô hình có thể tham gia xây dựng kế hoạch phát triển

du lịch, BVMT hoặc khai thác tài nguyên tại khu, điểm du lịch. Mức độ tham gia của cộng đồng ở từng khu, điểm du lịch mang tính đặc trưng riêng, tùy thuộc vào phong tục, tập quán, trình độ dân trí.

3.7. Khách du lịch

Điều 3, Luật Du lịch, 2017 khách du lịch được hiểu là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc để nhận thêm thu nhập ở nơi đến. Có thể nói, khách du lịch là những người tiêu dùng sản phẩm du lịch, bao gồm cả tài nguyên du lịch, do vậy tác động tiêu cực của khách du lịch tới môi trường khá rõ ràng.

Về pháp lý, trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT của khách du lịch được quy định tại Điều 70 và Điều 77 của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Điều 12 và Điều 8 của Luật Du lịch 09/2017/QH14; Điều 6 của Thông tư liên bộ số 19/2013/TTLB-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 và các quy định khác liên quan.

Vai trò, trách nhiệm của khách du lịch trong mô hình BVMT tại các khu, điểm du lịch được thể hiện qua việc chủ động chấp hành các nội quy, quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường; sử dụng các sản phẩm, dịch vụ du lịch thân thiện với môi trường; không sử dụng sản phẩm từ các loại động, thực vật trong danh mục cấm. Ngoài ra, với tư cách là một thành phần trong mô hình, khách du lịch có thể tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng quy chế, kế hoạch về BVMT tại các khu, điểm du lịch; đồng thời khách du lịch có quyền phản ánh về chất lượng môi trường tại các khu, điểm du lịch, kịp thời cảnh báo cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát môi trường.

3.8. Sự tham gia của tổ chức xã hội nghề nghiệp và NGOs

Về pháp lý, trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT của các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã được quy định tại Điều 145 của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13; Điều 8 trong Luật Du lịch 09/2017/QH14 và quy định khác.

Các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia mô hình cơ quan quản lý BVMT có thể tham gia xây dựng chính sách; xem xét, thông qua và đặc biệt là thực thi pháp luật về BVMT; NGOs quốc tế tại Việt Nam còn có thể chuyển giao công nghệ hỗ trợ tài chính và truyền đạt những kinh nghiệm về công tác BVMT ở các quốc gia trên Thế giới cho các thành phần trong mô hình; đặc biệt, các tổ chức này cũng tham gia phản biện xã hội về môi trường đối với các dự án đầu tư, kịp thời cảnh báo cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát các doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tuân thủ báo cáo đánh giá tác động môi trường.